

THÔNG BÁO

**Kết quả điểm thi tuyển Vòng 2 và kết quả điểm phỏng vấn Vòng 2
kỳ tuyển dụng công chức Tổng cục Thống kê năm 2019**

Thực hiện Kế hoạch số 154/KH-BKHĐT ngày 28/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tổ chức tuyển dụng công chức năm 2019 của Tổng cục Thống kê; căn cứ kết quả điểm thi tuyển Vòng 2 và kết quả điểm phỏng vấn Vòng 2 kỳ tuyển dụng công chức Tổng cục Thống kê năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo như sau:

1. Kết quả điểm thi tuyển Vòng 2 kỳ tuyển dụng công chức Tổng cục Thống kê năm 2019

- Chi tiết kết quả điểm thi tuyển được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ <https://www.gso.gov.vn>.

- Thí sinh dự kiến trúng tuyển là thí sinh có đủ các điều kiện sau:

+ Có điểm thi Vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

+ Có điểm thi Vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu thi tuyển của từng vị trí tuyển dụng của Phòng/Chi cục Thống kê thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh.

2. Kết quả điểm phỏng vấn Vòng 2 kỳ tuyển dụng công chức Tổng cục Thống kê năm 2019

- Chi tiết kết quả điểm phỏng vấn được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê tại địa chỉ <https://www.gso.gov.vn>.

- Thí sinh dự kiến trúng tuyển là thí sinh có đủ các điều kiện sau:

+ Có điểm phỏng vấn tại Vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;

+ Có điểm phỏng vấn tại Vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu xét tuyển của từng vị trí tuyển dụng của Chi cục Thống kê thuộc Cục Thống kê cấp tỉnh.

3. Phúc khảo bài thi

- Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Thống kê năm 2019 nhận đơn đề nghị phúc khảo đối với bài thi viết chuyên môn nghiệp vụ đến **hết 17 giờ, Thứ 4, Ngày 05/02/2020**, không giải quyết phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo nhận được sau thời gian quy định nêu trên (tính ngày gửi đơn theo dấu bưu điện trên phong bì đơn nếu đơn được gửi theo đường bưu điện).

- Hội đồng chỉ giải quyết phúc khảo đối với thí sinh có đơn điền đầy đủ thông tin theo đúng Mẫu đính kèm, không phúc khảo đối với các đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng Thư điện tử, Fax, Telex.

- Cách thức nộp đơn đề nghị phúc khảo: một trong các cách sau:

+ Thí sinh nộp trực tiếp tại trụ sở Cục Thống kê đăng ký dự thi hoặc tại Phòng 2, Tầng 5, Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thống kê, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

+ Thí sinh gửi đơn qua bưu điện đến địa chỉ Vụ Tổ chức cán bộ, Tổng cục Thống kê, số 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

- Lệ phí chấm phúc khảo là 150.000đ mỗi bài thi, thí sinh nộp lệ phí khi đến nộp đơn. Trường hợp thí sinh gửi đơn qua bưu điện thì lệ phí chuyển khoản theo địa chỉ: bà Nguyễn Thạch Tâm, Vụ Tổ chức cán bộ, Số tài khoản 13320525258010, Ngân hàng Techcombank, nội dung chuyển khoản ghi rõ: Họ tên thí sinh, số báo danh, nộp lệ phí chấm phúc khảo bài thi chuyên môn nghiệp vụ.

- Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Thống kê năm 2019 không giải quyết phúc khảo đối với kết quả điểm phỏng vấn.

Trường hợp cần làm rõ thông tin, thí sinh liên hệ điện thoại 024.73046666 máy lẻ 5010 để được giải đáp.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo để thí sinh và các đơn vị liên quan biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Website TCTK (để đăng tin);
- HĐDCCTCTK (2b);
- Vụ TCCB, Bộ KHĐT;
- Vụ TCCB TCTK (2b);
- Lưu: VT, HĐDCCTCTK.

78

**TUQ. BỘ TRƯỞNG
TỔNG CỤC TRƯỞNG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ**



Nguyễn Bích Lâm

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÚC KHẢO

(Kèm theo Thông báo số: 06/TB-BKHĐT ngày 10/01/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2020

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÚC KHẢO BÀI THI

Kính gửi: Hội đồng tuyển dụng công chức Tổng cục Thống kê

Tên tôi là:Nam, nữ:.....

Số báo danh:....., Phòng thi:....., Địa điểm thi:.....

Ngày sinh:

Quê quán:

Địa chỉ và điện thoại liên lạc:

Phòng/Chi cục đăng ký dự tuyển:

Cục Thống kê đăng ký dự tuyển

Vị trí đăng ký dự tuyển:

Trình độ đăng ký dự tuyển:

Theo Thông báo đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê, kết quả điểm Vòng 2 kỳ tuyển dụng công chức Tổng cục Thống kê năm 2019 của tôi như sau:

1. Điểm tổng:

2. Điểm thi Vòng 2:

3. Điểm ưu tiên: (ghi rõ Không nếu không thuộc diện ưu tiên).

Với kết quả điểm Vòng 2 như trên, tôi làm đơn đề nghị phúc khảo, đề nghị Hội đồng thi xem xét và chấm phúc khảo bài thi môn nghiệp vụ chuyên ngành cho tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Ghi rõ cách thức nộp đơn:

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM PHÒNG VẤN VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THỐNG KÊ NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Nhu

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí đăng ký	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm phỏng vấn	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng	Kết quả (dự kiến)
1	Quảng Ninh	Huyện Vân Đồn	TK kinh tế	ĐH	1	Trần Cẩm Nhung	29/5/1990	XDTK04	75		75	Trúng tuyển
2	Quảng Ninh	Huyện Vân Đồn	TK kinh tế	ĐH		Ngô Công Hoàn	1/7/1991	XDTK01	55		55	Không trúng tuyển
3	Quảng Ninh	Huyện Vân Đồn	TK kinh tế	ĐH		Bùi Gia Khánh	27/8/1996	XDTK03	55		55	Không trúng tuyển
4	Quảng Ninh	Huyện Vân Đồn	TK kinh tế	ĐH		Vũ Văn Hưng	1/11/1981	XDTK02	35	5	40	Không trúng tuyển
5	Quảng Trị	Huyện Cồn Cỏ	TK kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Giang Thùy	21/3/1984	XDTK06	79		79	Trúng tuyển
6	Quảng Trị	Huyện Cồn Cỏ	TK kinh tế	ĐH		Nguyễn Lâm Thành Đạt	24/5/1992	XDTK05	55		55	Không trúng tuyển
7	Bà Rịa Vũng Tàu	Huyện Côn Đảo	TK kinh tế	ĐH	2	Phạm Tấn Phú	25/10/1976	XDTK07	95		95	Trúng tuyển
8	Bà Rịa Vũng Tàu	Huyện Côn Đảo	TK kinh tế	ĐH		Trần Thị Thu Trinh	3/9/1992	XDTK08	85		85	Trúng tuyển
9	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	ĐH	2	Hoàng Văn Minh	12/1/1992	XDTK10	95		95	Trúng tuyển
10	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	ĐH		Phan Bích Tuyền	11/12/1988	XDTK14	75		75	Trúng tuyển
11	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	ĐH		Trần Ngọc The	10/10/1980	XDTK11	70		70	Không trúng tuyển
12	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	ĐH		Lại Mạnh Tuấn	25/2/1979	XDTK13	66.5		66.5	Không trúng tuyển
13	Kiên Giang	Huyện Phú Quốc	TK kinh tế	ĐH		Trần Minh Trí	12/6/1992	XDTK12	58		58	Không trúng tuyển
14	Kiên Giang	Huyện Kiên Hải	TK kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Bích Trâm	27/10/1991	XDTK17	65		65	Trúng tuyển

Viết tắt trong biểu: TK: Thống kê; DH: Đại học

DANH SÁCH KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỔNG CỤC THỐNG KÊ NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Quyết định số 118 /QĐ-BKHĐT ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
1	Hà Nội	Huyện Sóc Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Văn Minh	12/4/1991	DTK0005	78.5		78.5	Trúng tuyển	
2	Hà Nội	Huyện Thường Tín	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Tuấn Minh	3/10/1991	DTK0015	78.5		78.5	Trúng tuyển	
3	Hà Nội	Huyện Phú Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Lan Anh	13/11/1987	DTK0018	89	5	94	Trúng tuyển	
4	Hà Nội	Huyện Phú Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Ngô Quốc Tuấn	22/10/1988	DTK0022	84.5		84.5	Không trúng tuyển	
5	Hà Giang	Huyện Yên Minh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Duy Thành	4/9/1989	DTK0027	54.75	5	59.75	Trúng tuyển	
6	Hà Giang	Huyện Xín Mần	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Mạnh Hùng	29/2/1996	DTK0029	31	5	36	Không trúng tuyển	
7	Cao Bằng	PTK Công - Thương	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH	1	Đinh Thị Diệu Hoa	22/2/1996	DTK0034	73.75	5	78.75	Trúng tuyển	
8	Cao Bằng	PTK Công - Thương	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Hoàng Thị Liên	29/5/1993	DTK0039	62.25	5	67.25	Không trúng tuyển	
9	Cao Bằng	PTK Công - Thương	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Nguyễn Hoàng Giang	24/2/1996	DTK0031	53.5	5	58.5	Không trúng tuyển	
10	Cao Bằng	PTK Công - Thương	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Hoàng Thị Hoa	13/10/1986	DTK0035	14.5	5	19.5	Không trúng tuyển	
11	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	Thống kê xã hội	ĐH	1	Lý Minh Huệ	15/11/1995	DTK0053	68.25	5	73.25	Trúng tuyển	
12	Cao Bằng	Huyện Trùng Khánh	Thống kê xã hội	ĐH		Hoàng Thùy Dung	22/4/1995	DTK0051	5.25	5	10.25	Không trúng tuyển	
13	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Bé Khánh Ly	6/8/1992	DTK0067	77	5	82	Trúng tuyển	
14	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Linh Thu Hà	20/5/1997	DTK0064	72.5	5	77.5	Không trúng tuyển	
15	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Trương Thị Thúy	28/1/1994	DTK0070	53.5	5	58.5	Không trúng tuyển	
16	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Hạnh Tâm	6/12/1994	DTK0069	45.5	5	50.5	Không trúng tuyển	
17	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Nông Thị Lan	25/11/1993	DTK0066	40.5	5	45.5	Không trúng tuyển	
18	Cao Bằng	Huyện Trà Lĩnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Lý Thu Uyên	10/6/1992	DTK0073	39.5	5	44.5	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
19	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD	2	Hoàng Phương Thảo	2/11/1994	CTK0085	97	5	102	Trúng tuyển	
20	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD		Hoàng Thanh Tân	20/11/1993	CTK0084	86.5	5	91.5	Trúng tuyển	
21	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD		Nông Ngọc Anh	2/11/1987	CTK0077	75.5	5	80.5	Không trúng tuyển	
22	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD		Hà Thiện Nhân	29/10/1997	CTK0083	73	5	78	Không trúng tuyển	
23	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD		Thắm Thị Đào	2/10/1996	CTK0078	65	5	70	Không trúng tuyển	
24	Cao Bằng	Huyện Hà Quảng	Thống kê kinh tế	CD		Bế Thị Thu Hà	6/7/1984	CTK0079	61	5	66	Không trúng tuyển	
25	Cao Bằng	Huyện Phục Hòa	Thống kê xã hội	CD	1	Hoàng Thanh Thảo	15/3/1997	CTK0094	70	5	75	Trúng tuyển	
26	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Trương Thị Hạnh	19/4/1989	DTK0096	80.5	5	85.5	Trúng tuyển	
27	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Hoàng Thị Chung	24/5/1994	DTK0095	76	5	81	Không trúng tuyển	
28	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Trang	27/10/1994	DTK0099	72.5	5	77.5	Không trúng tuyển	
29	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Lục Bích Ngọc	14/5/1992	DTK0098	72	5	77	Không trúng tuyển	
30	Bắc Kạn	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Ngôn Thị Mai Lê	12/5/1994	DTK0097	47	5	52	Không trúng tuyển	
31	Bắc Kạn	Huyện Na Rì	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Thu	1/7/1994	DTK0105	53.5	5	58.5	Trúng tuyển	
32	Tuyên Quang	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Vì Thị Na	19/8/1990	DTK0108	51.5	5	56.5	Trúng tuyển	
33	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Triệu Thị Nhung	4/11/1992	DTK0117	96.75	5	101.75	Trúng tuyển	
34	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Nông Bé Khiêm	11/3/1992	DTK0113	58	5	63	Không trúng tuyển	
35	Tuyên Quang	PTK Nông Nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Lục Minh Giáo	20/3/1989	DTK0112	57.75	5	62.75	Không trúng tuyển	
36	Tuyên Quang	PTK Công - Thương	Thống kê thương mại	ĐH	1	Lê Thùy Chang	29/5/1989	DTK0119	61.5		61.5	Trúng tuyển	
37	Lào Cai	TP Lào Cai	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phùng Thị Vân Huế	26/12/1992	DTK0126	82.5		82.5	Trúng tuyển	
38	Lào Cai	Huyện Bát Xát	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Trọng Dũng	16/12/1993	DTK0128	82.25		82.25	Trúng tuyển	
39	Lào Cai	Huyện Bát Xát	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Hà Thu	19/11/1995	DTK0129	54		54	Không trúng tuyển	
40	Lào Cai	Huyện Bắc Hà	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Hương Giang	16/10/1995	DTK0134	53.75	5	58.75	Trúng tuyển	
41	Lào Cai	Huyện Bắc Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Lều Tuấn Anh	12/12/1988	DTK0132	43		43	Không trúng tuyển	
42	Lào Cai	Huyện Bảo Yên	Thống kê kinh tế	CD	1	Lục Quốc Việt	12/12/1996	CTK0136	93.25	5	98.25	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
43	Điện Biên	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	2	Vàng Thị My	12/8/1994	DTK0138	76.5	5	81.5	Trúng tuyển	
44	Điện Biên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH	1	Nguyễn Thị Thúy Diệu	5/4/1988	DTK0141	70		70	Trúng tuyển	
45	Điện Biên	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	1	Nguyễn Minh Tuấn	22/10/1981	DTK0143	76		76	Trúng tuyển	
46	Điện Biên	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Nguyễn Thị Hà Trang	31/7/1995	DTK0145	85		85	Trúng tuyển	
47	Điện Biên	TP Điện Biên Phủ	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đặng Hồng Nhung	1/6/1988	DTK0146	90		90	Trúng tuyển	
48	Điện Biên	Huyện Mường Chà	Thống kê xã hội	ĐH	1	Lê Tuyết Mai	20/11/1990	DTK0148	84		84	Trúng tuyển	
49	Điện Biên	Huyện Điện Biên	Thống kê xã hội	CĐ	1	Phạm Ngọc Thám	10/2/1995	CTK0150	73.5		73.5	Trúng tuyển	
50	Điện Biên	Huyện Điện Biên	Thống kê xã hội	ĐH	2	Nguyễn Thu Hà	28/6/1992	DTK0149	70.5		70.5	Trúng tuyển	
51	Điện Biên	Huyện Điện Biên	Thống kê xã hội	ĐH		Phạm Thị Thúy	31/8/1990	DTK0151	62.25		62.25	Trúng tuyển	
52	Điện Biên	Huyện Mường Ảng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Thu Thủy	21/6/1992	DTK0154	78		78	Trúng tuyển	
53	Điện Biên	TX Mường Lay	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Đặng Thị Hải Vân	3/10/1994	CTK0155	90		90	Trúng tuyển	
54	Điện Biên	Huyện Tủa Chùa	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Hà Thị Tươi	25/12/1994	CTK0156	90		90	Trúng tuyển	
55	Điện Biên	Huyện Tuần Giáo	Thống kê xã hội	CĐ	1	Nguyễn Thị Duyên	5/1/1995	CTK0157	90.5		90.5	Trúng tuyển	
56	Lai Châu	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	La Thị Phương Thúy	26/11/1991	DTK0161	88.5	5	93.5	Trúng tuyển	
57	Lai Châu	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Quế	10/11/1991	DTK0159	57		57	Không trúng tuyển	
58	Sơn La	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	28/10/1995	DTK0168	40		40	Không trúng tuyển	
59	Sơn La	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	2	Trần Văn Thắng	3/7/1988	DTK0176	89.5		89.5	Trúng tuyển	
60	Sơn La	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Tô Việt Hùng	19/12/1995	DTK0172	82.25		82.25	Trúng tuyển	
61	Sơn La	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Vũ Kim Dung	18/2/1990	DTK0178	89		89	Trúng tuyển	
62	Sơn La	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Hương Giang	19/5/1993	DTK0179	82.25		82.25	Trúng tuyển	
63	Sơn La	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	2	Nguyễn Thị Oanh	20/9/1996	DTK0185	71		71	Trúng tuyển	
64	Sơn La	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Thủy Trang	22/11/1992	DTK0187	70.75		70.75	Trúng tuyển	
65	Sơn La	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Lò Bình An	30/10/1995	DTK0184	47	5	52	Không trúng tuyển	
66	Sơn La	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Nguyễn Tuấn Anh	30/4/1986	DKT0188	63.5	5	68.5	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
67	Sơn La	TP Sơn La	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lường Thị Quế Hằng	6/8/1996	DTK0192	85.5	5	90.5	Trúng tuyển	
68	Sơn La	TP Sơn La	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Thị Kiều Trang	31/7/1990	DTK0194	67		67	Không trúng tuyển	
69	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Lò Thị Bích Thảo	6/8/1995	CTK0199	90.5	5	95.5	Trúng tuyển	
70	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	Thống kê kinh tế	CĐ		Phùng Ngọc Anh	19/5/1997	CTK0195	94		94	Không trúng tuyển	
71	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	Thống kê kinh tế	CĐ		Hoàng Mạnh Cường	8/8/1996	CTK0196	75.5	5	80.5	Không trúng tuyển	
72	Sơn La	Huyện Quỳnh Nhai	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Điền Quỳnh Ly	27/9/1991	DTK0197	63	5	68	Trúng tuyển	
73	Sơn La	Huyện Bắc Yên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Giang	15/4/1994	DTK0201	92.75		92.75	Trúng tuyển	
74	Sơn La	Huyện Phù Yên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Cầm Đình Nguyên	9/7/1991	DTK0202	89	5	94	Trúng tuyển	
75	Sơn La	Huyện Sông Mã	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Hà Đức Điệp	3/5/1993	CTK0212	94.5	5	99.5	Trúng tuyển	
76	Sơn La	Huyện Sông Mã	Thống kê kinh tế	CĐ		Đinh Đức Thắng	9/10/1996	CTK0214	74	5	79	Không trúng tuyển	
77	Yên Bái	Huyện Yên Bình	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Nông Thị Cẩm Nhung	6/1/1993	CTK0218	96.5	5	101.5	Trúng tuyển	
78	Yên Bái	Huyện Yên Bình	Thống kê kinh tế	CĐ		Hà Thu Hằng	2/11/1993	CTK0217	90	5	95	Không trúng tuyển	
79	Hòa Bình	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CĐ	1	Hà Nhật Linh	9/10/1996	CVT0221	50.5		50.5	Trúng tuyển	
80	Hòa Bình	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CĐ		Quách Thị Hà	28/4/1991	CVT0219	37.5	5	42.5	Không trúng tuyển	
81	Hòa Bình	Huyện Lương Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Lệ	20/7/1992	DTK0224	92.25		92.25	Trúng tuyển	
82	Hòa Bình	Huyện Lương Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Trịnh Đăng Tuyền	24/12/1991	DTK0225	72		72	Không trúng tuyển	
83	Hòa Bình	Huyện Tân Lạc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Châu Trang	2/4/1992	DTK0229	58.5		58.5	Trúng tuyển	
84	Hòa Bình	Huyện Lạc Sơn	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Trần Xuân Đại	17/12/1990	CTK0237	94.5		94.5	Trúng tuyển	
85	Thái Nguyên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH	1	Đỗ Thị Bích Liên	6/8/1992	DTK0240	84		84	Trúng tuyển	
86	Thái Nguyên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		La Thị Ngọc Yến	3/12/1994	DTK0241	50.5		50.5	Không trúng tuyển	
87	Thái Nguyên	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		Trần Thị Huế	15/10/1993	DTK0239	43.5		43.5	Không trúng tuyển	
88	Thái Nguyên	Huyện Định Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Thị Thu Thủy	10/9/1994	DTK0245	74.5	5	79.5	Trúng tuyển	
89	Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Bùi Thị Thu Thủy	23/10/1985	DTK0249	69.5		69.5	Trúng tuyển	
90	Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Hà My	19/7/1993	DTK0246	63	5	68	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
91	Thái Nguyên	Huyện Võ Nhai	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Tân	15/8/1992	DTK0248	40		40	Không trúng tuyển	
92	Lạng Sơn	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CĐ	1	Đinh Thị Quyền	15/8/1995	CVT0250	56.75	5	61.75	Trúng tuyển	
93	Lạng Sơn	Huyện Cao Lộc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Chu Lương Nguyên	1/1/1982	DTK0260	50	5	55	Trúng tuyển	
94	Lạng Sơn	Huyện Cao Lộc	Thống kê kinh tế	ĐH		Hà Khánh Ly Lợi	22/10/1994	DTK0259	12	5	17	Không trúng tuyển	
95	Lạng Sơn	Huyện Đình Lập	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Chu Anh Chiến	17/10/1989	CTK0270	96	5	101	Trúng tuyển	
96	Lạng Sơn	Huyện Đình Lập	Thống kê kinh tế	CĐ		Đặng Thị Lý	12/6/1996	CTK0272	62	5	67	Không trúng tuyển	
97	Lạng Sơn	Huyện Đình Lập	Thống kê kinh tế	CĐ		Đặng Phương Liên	26/6/1997	CTK0271	49	5	54	Không trúng tuyển	
98	Lạng Sơn	Huyện Tràng Định	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Lương Minh Chiến	23/3/1988	CTK0273	91	5	96	Trúng tuyển	
99	Lạng Sơn	Huyện Tràng Định	Thống kê kinh tế	CĐ		Đào Văn Trường	17/9/1994	CTK0274	86		86	Không trúng tuyển	
100	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	CĐ	1	Vũ Thị Minh Hòa	1/7/1997	CTK0280	91.5		91.5	Trúng tuyển	
101	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Phạm Thị Vân	18/12/1986	DTK0285	86.25		86.25	Trúng tuyển	
102	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Đồng Thùy Dương	18/7/1991	DTK0278	84		84	Trúng tuyển	
103	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Thu Hà	15/6/1986	DTK0279	72.25		72.25	Không trúng tuyển	
104	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Hà Xuân	25/10/1995	DTK0286	59.75		59.75	Không trúng tuyển	
105	Quảng Ninh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Phạm Đình Mạnh	8/12/1994	DTK0281	36.5		36.5	Không trúng tuyển	
106	Quảng Ninh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	2	Nguyễn Thị Thanh Thảo	17/11/1987	DTK0290	97.5	5	102.5	Trúng tuyển	
107	Quảng Ninh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Nguyễn Văn Tình	10/9/1983	DTK0291	45		45	Không trúng tuyển	
108	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Bùi Thị Ngọc Mai	20/11/1991	DTK0298	63.5		63.5	Trúng tuyển	
109	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Bế Thành Tuyên	21/7/1992	DTK0299	54.5	5	59.5	Trúng tuyển	
110	Quảng Ninh	Huyện Tiên Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Mạnh Chính	21/3/1993	DTK0295	47.25		47.25	Không trúng tuyển	
111	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Phạm Thị Khánh Chinh	1/3/1995	DTK0302	92		92	Trúng tuyển	
112	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Giang Nam	12/10/1985	DTK0304	79	2.5	81.5	Trúng tuyển	
113	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Thị Lan Anh	30/10/1993	DTK0300	63.5		63.5	Không trúng tuyển	
114	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Đinh Công Quyền	13/6/1996	DTK0307	51		51	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
115	Quảng Ninh	Huyện Hải Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Đào Lê Anh Bình	28/7/1993	DTK0301	36		36	Không trúng tuyển	
116	Bắc Giang	Huyện Sơn Động	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Duy Cường	5/7/1993	DTK0308	57	5	62	Trúng tuyển	
117	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lưu Trung Kiên	21/9/1989	DTK0312	94		94	Trúng tuyển	
118	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Oanh	16/8/1993	DTK0316	74		74	Không trúng tuyển	
119	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Minh Phương	1/10/1993	DTK0317	38.5		38.5	Không trúng tuyển	
120	Bắc Giang	Huyện Lục Ngạn	Thống kê kinh tế	ĐH		Dương Thị Mơ	10/5/1995	DTK0314	12	5	17	Không trúng tuyển	
121	Phú Thọ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Cao Thị Việt Anh	30/1/1991	DKT0319	72.5		72.5	Trúng tuyển	
122	Phú Thọ	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH		Phạm Thị Hoàng Anh	14/5/1996	DKT0320	34.5		34.5	Không trúng tuyển	
123	Phú Thọ	Huyện Hạ Hòa	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Nguyễn Đình Tú	15/12/1991	CTK0327	87.5	5	92.5	Trúng tuyển	
124	Phú Thọ	Huyện Hạ Hòa	Thống kê kinh tế	CĐ		Nguyễn Huy Hà	19/12/1994	CTK0326	69		69	Không trúng tuyển	
125	Phú Thọ	Huyện Thanh Ba	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Nguyễn Thị Thu Hà	13/10/1993	CTK0328	88		88	Trúng tuyển	
126	Phú Thọ	Huyện Đoan Hùng	Thống kê xã hội	CĐ	1	Đỗ Ngọc Loan	7/3/1989	CTK0329	93.75	5	98.75	Trúng tuyển	
127	Phú Thọ	Huyện Đoan Hùng	Thống kê xã hội	CĐ		Nguyễn Thị Kim Tuyến	22/10/1993	CTK0330	91.5		91.5	Không trúng tuyển	
128	Phú Thọ	Huyện Cẩm Khê	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Dương	13/9/1989	DTK0332	78		78	Trúng tuyển	
129	Phú Thọ	Huyện Cẩm Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Thị Thương Huyền	14/5/1996	DTK0335	67.25		67.25	Không trúng tuyển	
130	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Phạm Gia Thành	13/6/1994	CTK0343	95		95	Trúng tuyển	
131	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	Thống kê kinh tế	CĐ		Nguyễn Ngọc Bình	7/5/1995	CTK0337	93		93	Không trúng tuyển	
132	Bắc Ninh	Huyện Lương Tài	Thống kê kinh tế	CĐ		Nguyễn Văn Giáp	20/5/1994	CTK0339	53		53	Không trúng tuyển	
133	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đinh Văn Anh	6/8/1991	DTK0344	80		80	Trúng tuyển	
134	Bắc Ninh	Huyện Thuận Thành	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Mai	23/9/1991	DTK0350	73		73	Không trúng tuyển	
135	Hưng Yên	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Phạm Minh Trí	24/6/1994	DTK0362	97.75		97.75	Trúng tuyển	
136	Hưng Yên	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Bùi Thị Luyến	2/9/1985	DTK0361	86		86	Không trúng tuyển	
137	Hưng Yên	TP Hưng Yên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lương Quỳnh Trang	4/6/1993	DTK0368	97.5		97.5	Trúng tuyển	
138	Hưng Yên	TP Hưng Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Quốc Tuấn	21/8/1992	DTK0369	80		80	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
139	Hưng Yên	TP Hưng Yên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Hà	25/5/1993	DTK0364	67.5		67.5	Không trúng tuyển	
140	Hưng Yên	TP Hưng Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Hồng Nga	25/12/1996	DTK0365	37		37	Không trúng tuyển	
141	Hưng Yên	Huyện Ân Thi	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Xuân	16/2/1995	DTK0372	82		82	Trúng tuyển	
142	Hưng Yên	Huyện Ân Thi	Thống kê kinh tế	ĐH		Đỗ Thị Hiền	16/5/1995	DTK0370	54.5		54.5	Không trúng tuyển	
143	Hưng Yên	Huyện Tiên Lữ	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	7/9/1991	DTK0375	74.5		74.5	Trúng tuyển	
144	Hưng Yên	Huyện Tiên Lữ	Thống kê kinh tế	ĐH		Đỗ Thị Mỹ Linh	9/9/1993	DTK0373	72		72	Không trúng tuyển	
145	Nam Định	Huyện Ý Yên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đoàn Thị Huyền	27/6/1989	DTK0378	96.5		96.5	Trúng tuyển	
146	Nam Định	Huyện Ý Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hương	10/10/1994	DTK0377	67		67	Không trúng tuyển	
147	Nam Định	Huyện Ý Yên	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Văn Hiến	19/8/1989	DTK0376	61		61	Không trúng tuyển	
148	Nam Định	Huyện Giao Thủy	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Thanh Huyền	18/11/1995	DTK0387	85		85	Trúng tuyển	
149	Nam Định	Huyện Giao Thủy	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Thị Hồng Vân	4/1/1989	DTK0389	82.5		82.5	Không trúng tuyển	
150	Nam Định	Huyện Giao Thủy	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thanh Huyền	3/8/1996	DTK0388	78		78	Không trúng tuyển	
151	Nam Định	Huyện Hải Hậu	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Đức Quý	20/10/1983	DTK0395	77.25		77.25	Trúng tuyển	
152	Nam Định	Huyện Hải Hậu	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Công Khang	9/3/1990	DTK0394	13.25		13.25	Không trúng tuyển	
153	Nam Định	Huyện Xuân Trường	Thống kê kinh tế	CD	1	Nguyễn Thu Huyền	22/10/1990	CTK0396	97		97	Trúng tuyển	
154	Thanh Hoá	Huyện Tĩnh Gia	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lương Ngọc Nguyên	20/1/1991	DTK0404	95.25	5	100.25	Trúng tuyển	
155	Thanh Hoá	Huyện Tĩnh Gia	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Ngọc Khánh	1/5/1992	DTK0401	99		99	Không trúng tuyển	
156	Thanh Hoá	Huyện Lang Chánh	Thống kê kinh tế	CD	1	Trương Văn Khải	20/3/1991	CTK0406	90.75	5	95.75	Trúng tuyển	
157	Thanh Hoá	Huyện Lang Chánh	Thống kê kinh tế	CD		Lê Thị Thu Phương	2/9/1996	CTK0407	82		82	Không trúng tuyển	
158	Nghệ An	Huyện Kỳ Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Thị Thanh Nhân	7/2/1991	DTK0408	68.75	5	73.75	Trúng tuyển	
159	Nghệ An	Huyện Quế Phong	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trần Thị Thanh Huyền	1/7/1992	DTK0412	93.5		93.5	Trúng tuyển	
160	Nghệ An	Huyện Quế Phong	Thống kê kinh tế	ĐH		Hồ Thị Thúy	4/11/1992	DTK0413	60.25		60.25	Trúng tuyển	
161	Nghệ An	Huyện Quế Phong	Thống kê kinh tế	ĐH		Hồ Thị Trâm Anh	10/5/1992	DTK0410	31.5		31.5	Không trúng tuyển	
162	Nghệ An	Huyện Quỳnh Châu	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đậu Việt Linh	14/9/1994	DTK0414	78		78	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
163	Nghệ An	Huyện Quỳnh Châu	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Vy Trung Thành	24/1/1989	DTK0416	47.5	5	52.5	Không trúng tuyển	
164	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Trang	23/3/1994	DTK0425	94.5		94.5	Trúng tuyển	
165	Hà Tĩnh	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Trần Đình Mạnh	17/9/1993	DTK0421	79.5		79.5	Không trúng tuyển	
166	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Phan Bảo Anh	1/9/1994	DTK0428	86		86	Trúng tuyển	
167	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Đặng Thế Thực Linh	21/5/1996	DTK0430	67.5		67.5	Không trúng tuyển	
168	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Nguyễn Hồng Vinh	20/8/1995	DTK0436	26		26	Không trúng tuyển	
169	Hà Tĩnh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Phan Thị Vân Anh	8/4/1993	DTK0429	16.5		16.5	Không trúng tuyển	
170	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Hạnh	20/10/1989	DTK0439	92.5		92.5	Trúng tuyển	
171	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Hà Phương	28/8/1996	DTK0444	92		92	Không trúng tuyển	
172	Hà Tĩnh	Huyện Hương Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Dương Thị Lam	22/4/1996	DTK0442	53.5		53.5	Không trúng tuyển	
173	Quảng Bình	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Phan Tuấn Giang	8/7/1989	DCN0445	70.5		70.5	Trúng tuyển	
174	Quảng Bình	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Phạm Hữu Phú	3/11/1995	DCN0446	18.5		18.5	Không trúng tuyển	
175	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Hiền	5/8/1989	DTK0449	96.5		96.5	Trúng tuyển	
176	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Thị Ngọc Ánh	13/9/1997	DTK0448	81.5		81.5	Không trúng tuyển	
177	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Thị Thúy Anh	4/11/1990	DTK0447	77.5		77.5	Không trúng tuyển	
178	Quảng Bình	Huyện Minh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Hồng Nhung	17/11/1995	DTK0453	55.5		55.5	Không trúng tuyển	
179	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Mai Văn Hoài	4/11/1994	DTK0457	99		99	Trúng tuyển	
180	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Thị Năm	14/7/1991	DTK0460	95.5		95.5	Trúng tuyển	
181	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Văn Trung	30/3/1990	DTK0463	90.5		90.5	Không trúng tuyển	
182	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Thương Huyền	21/12/1986	DTK0458	76		76	Không trúng tuyển	
183	Quảng Bình	Huyện Tuyên Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Đinh Ngọc Đông Sang	17/11/1994	DTK0462	61		61	Không trúng tuyển	
184	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Lê Thị Nhật Thủy	17/6/1991	DTK0475	97		97	Trúng tuyển	
185	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Thảo Như	1/2/1997	DTK0472	88		88	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
186	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	Thông kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Trần Hương Quỳnh	26/10/1994	DTK0473	77		77	Không trúng tuyển	
187	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	Thông kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Lê Thị Thùy Trang	15/9/1992	DTK0476	71		71	Không trúng tuyển	
188	Quảng Trị	PTK Tổng hợp	Thông kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Đoàn Thị Mỹ Ly	10/2/1993	DTK0468	55		55	Không trúng tuyển	
189	Quảng Trị	Huyện Hướng Hóa	Thông kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Thị Thanh	3/4/1992	DTK0481	97.5		97.5	Trúng tuyển	
190	Quảng Trị	Huyện Hướng Hóa	Thông kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Ngân Hà	29/3/1995	DTK0478	50.75	5	55.75	Không trúng tuyển	
191	Quảng Trị	Huyện Hướng Hóa	Thông kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Kiều Hưng	11/6/1989	DTK0479	42.5	2.5	45	Không trúng tuyển	
192	Thừa Thiên-Huế	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CĐ	1	Võ Thị Diệu Xuân	21/10/1990	CVT0483	72.5		72.5	Trúng tuyển	
193	Thừa Thiên-Huế	TX Hương Trà	Thông kê kinh tế	ĐH	1	Phan Duy Hoàng	29/3/1995	DTK0487	91		91	Trúng tuyển	
194	Thừa Thiên-Huế	TX Hương Trà	Thông kê kinh tế	ĐH		Bùi Xuân Phong	25/7/1994	DTK0491	54		54	Không trúng tuyển	
195	Thừa Thiên-Huế	TX Hương Thủy	Thông kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Trường Sơn	23/10/1988	DTK0495	79.25		79.25	Trúng tuyển	
196	Thừa Thiên-Huế	Huyện Phú Lộc	Thông kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Nha Trang	12/8/1991	DTK0499	69.5		69.5	Trúng tuyển	
197	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	Thông kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Phú Vinh	14/4/1993	DTK0515	87	5	92	Trúng tuyển	
198	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	Thông kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Hiền	5/6/1995	DTK0508	88.5		88.5	Không trúng tuyển	
199	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	Thông kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Thùy Tiên	5/3/1990	DTK0514	87		87	Không trúng tuyển	
200	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	Thông kê kinh tế	ĐH		Phạm Thị Liên	23/8/1994	DTK0511	62.5		62.5	Không trúng tuyển	
201	Đà Nẵng	Quận Thanh Khê	Thông kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Lê	3/10/1989	DTK0510	61.25		61.25	Không trúng tuyển	
202	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	Thông kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Nguyễn Thị Mỹ Trang	13/8/1983	DTK0520	97		97	Trúng tuyển	
203	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	Thông kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Khánh Trâm	20/8/1990	DTK0519	89		89	Không trúng tuyển	
204	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	Thông kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Đỗ Thị Bích Thư	2/11/1988	DTK0518	86.5		86.5	Không trúng tuyển	
205	Quảng Nam	PTK Tổng hợp	Thông kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Đoàn Thị Huyền My	18/6/1995	DTK0517	77		77	Không trúng tuyển	
206	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	Thông kê nông nghiệp	ĐH		Phạm Thị Nhị Diệu	1/4/1996	DTK0522	96		96	Trúng tuyển	
207	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	Thông kê nông nghiệp	ĐH		Đoàn Thị Yến Nhi	1/9/1986	DTK0525	95		95	Không trúng tuyển	
208	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	Thông kê nông nghiệp	ĐH		Lê Thị Thiện Hòa	26/5/1996	DTK0523	87.5		87.5	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
209	Quảng Nam	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Vũ Thị Kim Thẩm	26/9/1991	DTK0526	44.06		44.06	Không trúng tuyển	Đã trừ 25% số điểm do thí sinh vi phạm nội quy bị lập biên bản xử lý bằng hình thức khiển trách
210	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	ĐH	1	Lê Công Hoàng	8/11/1986	DVT0530	78.5		78.5	Trúng tuyển	
211	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	ĐH		Nguyễn Hồng Ninh	4/2/1989	DVT0535	42	5	47	Không trúng tuyển	
212	Quảng Nam	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	ĐH		Đặng Thị Hoài Nhân	9/8/1996	DVT0534	45		45	Không trúng tuyển	
213	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Ngô Thị Thùy Dung	16/7/1991	DTK0538	91	5	96	Trúng tuyển	
214	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Lê Vy	27/4/1989	DTK0546	94.5		94.5	Không trúng tuyển	
215	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Minh Tâm	12/1/1990	DTK0541	93		93	Không trúng tuyển	
216	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thùy Trang	14/8/1991	DTK0544	87.75		87.75	Không trúng tuyển	
217	Quảng Nam	Huyện Duy Xuyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Hoài Thương	30/12/1993	DTK0542	57.25		57.25	Không trúng tuyển	
218	Quảng Nam	Huyện Nam Giang	Thống kê xã hội	ĐH	1	Nguyễn Thị Mỹ Lan	1/8/1989	DTK0548	93.5		93.5	Trúng tuyển	
219	Quảng Nam	Huyện Nam Giang	Thống kê xã hội	ĐH		Chơ Rum Thương	15/4/1992	DTK0550	55.25	5	60.25	Không trúng tuyển	
220	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Võ Thị Sen	12/11/1990	DTK0555	92		92	Trúng tuyển	
221	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Hồ Phạm Tiến Việt	8/8/1990	DTK0557	87		87	Trúng tuyển	
222	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thùy My	18/8/1987	DTK0553	83		83	Không trúng tuyển	
223	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Thị Yến Vi	18/9/1990	DTK0556	72	5	77	Không trúng tuyển	
224	Quảng Nam	Huyện Phước Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Văn Nam	15/4/1983	DTK0554	74.25		74.25	Không trúng tuyển	
225	Quảng Nam	Huyện Hiệp Đức	Thống kê xã hội	ĐH	1	Trần Việt Thanh	10/12/1978	DTK0560	90.25	5	95.25	Trúng tuyển	
226	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Khánh Minh	6/6/1993	DTK0565	91		91	Trúng tuyển	
227	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	Thống kê kinh tế	ĐH		Huỳnh Thị Cánh Sinh	15/10/1988	DTK0569	80.5		80.5	Trúng tuyển	
228	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Đức Phú	24/8/1985	DTK0566	65		65	Không trúng tuyển	
229	Quảng Nam	Huyện Thăng Bình	Thống kê kinh tế	ĐH		Phan Thị Mỹ Linh	7/6/1996	DTK0564	40.25		40.25	Không trúng tuyển	
230	Quảng Nam	Huyện Bắc Trà My	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Huỳnh Thị Hương	2/1/1994	DTK0570	93.5		93.5	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
231	Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	Thống kê xã hội	ĐH	2	Nguyễn Hồng Huy	2/2/1995	DTK0574	97		97	Trúng tuyển	
232	Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	Thống kê xã hội	ĐH		Nguyễn Văn Thanh	16/5/1987	DTK0576	75.75		75.75	Trúng tuyển	
233	Quảng Nam	Huyện Nam Trà My	Thống kê xã hội	ĐH		Huỳnh Thị Thanh Duyên	26/3/1996	DTK0573	70		70	Không trúng tuyển	
234	Quảng Nam	Huyện Phú Ninh	Thống kê xã hội	ĐH	1	Nguyễn Tuyết Trinh	10/6/1991	DTK0587	85		85	Trúng tuyển	
235	Quảng Nam	Huyện Đông Giang	Thống kê kinh tế	CD	1	Lê Thị Thanh	11/4/1996	CTK0589	88		88	Trúng tuyển	
236	Quảng Ngãi	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Nguyễn Thị Phương Thùy	10/8/1993	DTK0591	87	5	92	Trúng tuyển	
237	Quảng Ngãi	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Bùi Thị Cẩm Thư	8/9/1989	DTK0590	83		83	Không trúng tuyển	
238	Quảng Ngãi	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Bùi Thị Ngọc Lan	20/2/1993	DTK0592	95		95	Trúng tuyển	
239	Quảng Ngãi	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Phạm Thị Trúc Qui	20/1/1990	DTK0593	61		61	Không trúng tuyển	
240	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Phạm Thị Minh Huyền	15/3/1991	DTK0599	75.5	5	80.5	Trúng tuyển	
241	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Trần Thị Thủy Ngọc	15/11/1980	DTK0600	66.5	5	71.5	Không trúng tuyển	
242	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Như Quỳnh	21/6/1995	DTK0601	42.5		42.5	Không trúng tuyển	
243	Quảng Ngãi	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Lê Tấn Đạt	29/9/1991	DTK0597	36.5	2.5	39	Không trúng tuyển	
244	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	1	Lê Thị Phương	12/12/1990	DTK0609	87.75		87.75	Trúng tuyển	
245	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Thị Vũ An	12/2/1994	DTK0604	79		79	Không trúng tuyển	
246	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Ngô Vũ Đoàn Thông	10/9/1991	DTK0610	66.75		66.75	Không trúng tuyển	
247	Quảng Ngãi	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Trương Thị Hồng Hạnh	4/9/1993	DTK0605	65.25		65.25	Không trúng tuyển	
248	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Tạ Phạm Hoàng Thiên	16/9/1992	DCN0620	66		66	Trúng tuyển	
249	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Đặng Văn Kiều	30/3/1989	DCN0615	65.25		65.25	Không trúng tuyển	
250	Quảng Ngãi	Phòng Tổ chức - Hành chính	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Nguyễn Quốc Tuấn	4/6/1986	DCN0621	30.5		30.5	Không trúng tuyển	
251	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trương Thị Lệ Nguyên	9/9/1995	DTK0629	83.5		83.5	Trúng tuyển	
252	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Út	3/4/1992	DTK0640	81		81	Trúng tuyển	
253	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Thúy	4/9/1988	DTK0637	80		80	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
254	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH	4	Võ Thị Ánh Nguyệt	24/10/1994	DTK0630	64.75		64.75	Không trúng tuyển	
255	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Thanh Danh	10/3/1992	DTK0622	51		51	Không trúng tuyển	
256	Quảng Ngãi	TP Quảng Ngãi	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Ngọc Trang	28/1/1997	DTK0638	33		33	Không trúng tuyển	
257	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trương Thị Tuyết	9/9/1992	DTK0657	89.5	5	94.5	Trúng tuyển	
258	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Lan	29/8/1988	DTK0645	83		83	Trúng tuyển	
259	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Phan Thị Ngọc Trâm	2/4/1994	DTK0653	80.5		80.5	Không trúng tuyển	
260	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Bé	7/10/1992	DTK0642	79		79	Không trúng tuyển	
261	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Huỳnh Thị Ly	7/5/1993	DTK0647	73.5		73.5	Không trúng tuyển	
262	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Ngô Nữ Kiều Trinh	7/6/1992	DTK0655	73		73	Không trúng tuyển	
263	Quảng Ngãi	Huyện Bình Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Phương Vi	6/2/1995	DTK0659	65		65	Không trúng tuyển	
264	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tịnh	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Bùi Thị Quế Hương	11/11/1993	CTK0662	66.5		66.5	Trúng tuyển	
265	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Tuyết Hòa	18/4/1992	DTK0665	87	5	92	Trúng tuyển	
266	Quảng Ngãi	Huyện Tư Nghĩa	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Thúy Vy	24/9/1981	DTK0669	84		84	Không trúng tuyển	
267	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Thị Như	5/1/1991	DTK0672	82	5	87	Trúng tuyển	
268	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Dương Đặng Kiều Ngân	18/8/1992	DTK0671	76		76	Không trúng tuyển	
269	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Kiều Trinh	30/4/1996	DTK0675	62.5	5	67.5	Không trúng tuyển	
270	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Hà	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thành Tiên	5/10/1979	DTK0674	46	5	51	Không trúng tuyển	
271	Quảng Ngãi	Huyện Sơn Tây	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Tuấn Đại Dương	28/10/1992	DTK0677	86.25		86.25	Trúng tuyển	
272	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Vy	10/5/1991	DTK0688	93		93	Trúng tuyển	
273	Quảng Ngãi	Huyện Nghĩa Hành	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Kim Long	15/10/1985	DTK0686	72.5		72.5	Không trúng tuyển	
274	Quảng Ngãi	Huyện Mộ Đức	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lữ Thị Minh Tâm	17/3/1989	DTK0693	74.25		74.25	Trúng tuyển	
275	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH	,	Phạm Thị Bảo Yến	10/9/1992	DTK0703	93.5		93.5	Trúng tuyển	
276	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH		Đỗ Thạch Thị Tươi	30/12/1997	DTK0701	87.5		87.5	Trúng tuyển	
277	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH		Huỳnh Thị Thu Quảng	15/10/1991	DTK0698	72.5		72.5	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
278	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Võ Thị Thanh Thùy	1/5/1990	DTK0700	70.5		70.5	Không trúng tuyển	
279	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Phụng	20/9/1993	DTK0697	66.5		66.5	Không trúng tuyển	
280	Quảng Ngãi	Huyện Đức Phổ	Thống kê kinh tế	ĐH		Huỳnh Thị Thanh Thúy	3/8/1991	DTK0699	38.5		38.5	Không trúng tuyển	
281	Quảng Ngãi	Huyện Ba Tư	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Hồng Mến	17/12/1983	DTK0704	80.5		80.5	Trúng tuyển	
282	Quảng Ngãi	Huyện Ba Tư	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Lệ Trinh	28/2/1993	DTK0707	73.75		73.75	Trúng tuyển	
283	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Nguyễn Trung Thuận	6/2/1992	DTK0725	86.5	5	91.5	Trúng tuyển	
284	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Hồng Hạnh	1/4/1991	DTK0711	87.75		87.75	Trúng tuyển	
285	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Mai Văn Sơn	13/1/1991	DTK0724	86		86	Không trúng tuyển	
286	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Thu Hằng	11/10/1986	DTK0710	59.25		59.25	Không trúng tuyển	
287	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Bạch Thị Hà My	21/7/1996	DTK0717	58.5		58.5	Không trúng tuyển	
288	Bình Định	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Minh Hiền	25/10/1988	DTK0712	57.25		57.25	Không trúng tuyển	
289	Bình Định	TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Đào Duy Phước	15/9/1986	DTK0736	86.25		86.25	Trúng tuyển	
290	Bình Định	TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Trần Dịu Hạnh	2/6/1987	DTK0730	61.25		61.25	Trúng tuyển	
291	Bình Định	TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Liên	10/10/1994	DTK0733	59.25		59.25	Không trúng tuyển	
292	Bình Định	TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Bích Phượng	21/8/1993	DTK0737	56.75		56.75	Không trúng tuyển	
293	Bình Định	TP Quy Nhơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Lưu Thị Huỳnh Trâm	19/10/1992	DTK0741	44		44	Không trúng tuyển	
294	Bình Định	Huyện Phù Cát	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Thị Bích Lê	21/2/1991	DTK0745	82		82	Trúng tuyển	
295	Bình Định	Huyện Phù Cát	Thống kê kinh tế	ĐH		Võ Huyền Sâm	9/3/1989	DTK0747	67.5		67.5	Không trúng tuyển	
296	Bình Định	Huyện Phù Cát	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Ý Nhi	13/8/1993	DTK0746	24.25		24.25	Không trúng tuyển	Đã trừ 50% số điểm do thí sinh vi phạm nội quy bị lập biên bản xử lý bằng hình thức cảnh cáo
297	Phú Yên	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Nguyễn Thị Hoài	1/4/1989	DTK0752	86		86	Trúng tuyển	
298	Phú Yên	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	CD	1	Võ Thị Thanh Hiền	15/8/1990	CVT0760	71		71	Trúng tuyển	
299	Phú Yên	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	CD		Lê Thị Mỹ Hạnh	1/8/1995	CVT0759	50.25		50.25	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
300	Phú Yên	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	CD		Phạm Thị Hồng	5/10/1987	CVT0761	30		30	Không trúng tuyển	
301	Phú Yên	TP Tuy Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Tường Vy	13/8/1996	DTK0771	71.25		71.25	Trúng tuyển	
302	Phú Yên	Huyện Phú Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Huyền Trân	28/5/1995	DTK0779	86.5		86.5	Trúng tuyển	
303	Phú Yên	Huyện Phú Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Thị Minh Hải	20/2/1986	DTK0773	84.25		84.25	Không trúng tuyển	
304	Phú Yên	Huyện Phú Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hồng Lệ	8/1/1988	DTK0776	76.5		76.5	Không trúng tuyển	
305	Phú Yên	Huyện Đông Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Út Soa	22/9/1994	DTK0786	93		93	Trúng tuyển	
306	Phú Yên	Huyện Đông Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trần Thị Hoài Trâm	18/1/1992	DTK0788	91		91	Trúng tuyển	
307	Phú Yên	Huyện Đông Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Ngô Thị Xuân	18/4/1991	DTK0791	82.75		82.75	Không trúng tuyển	
308	Phú Yên	Huyện Đông Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Trương Trọng Hậu	8/10/1990	DTK0782	63.75		63.75	Không trúng tuyển	
309	Khánh Hòa	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	CD	1	Nguyễn Thị Lan Thảo	22/2/1996	CTK0793	80		80	Trúng tuyển	
310	Khánh Hòa	Huyện Khánh Vĩnh	Thống kê xã hội	ĐH	1	Trần Thị Huệ	15/8/1987	DTK0792	79.75	5	84.75	Trúng tuyển	
311	Khánh Hòa	Huyện Khánh Vĩnh	Thống kê xã hội	ĐH		Phí Trọng Nhân	4/8/1990	DTK0794	63.75		63.75	Không trúng tuyển	
312	Khánh Hòa	Huyện Diên Khánh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Ngô Thị Phương	5/9/1989	DTK0797	83.5		83.5	Trúng tuyển	
313	Khánh Hòa	Huyện Diên Khánh	Thống kê kinh tế	ĐH		Lâm Quang Minh Nhật	18/7/1989	DTK0796	69.75		69.75	Không trúng tuyển	
314	Ninh Thuận	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Nguyễn Thị Phương Dung	18/6/1991	DTK0798	90	5	95	Trúng tuyển	
315	Ninh Thuận	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Đào Nhật Vũ	20/1/1990	DTK0799	52		52	Không trúng tuyển	
316	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Thu Hằng	6/7/1983	DTK0800	91		91	Trúng tuyển	
317	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Phương Thủy	25/10/1991	DTK0803	82.5		82.5	Không trúng tuyển	
318	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hồng Nga	12/7/1991	DTK0802	68		68	Không trúng tuyển	
319	Ninh Thuận	TP Phan Rang - Tháp Chàm	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Châu Linh	10/1/1991	DTK0801	24		24	Không trúng tuyển	
320	Ninh Thuận	Huyện Bác Ái	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hồ Thị Anh Đào	12/4/1985	DTK0806	86		86	Trúng tuyển	
321	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Hiền	29/1/1995	DTK0809	95		95	Trúng tuyển	
322	Ninh Thuận	Huyện Ninh Sơn	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Ngọc Quý	24/4/1994	DTK0810	76		76	Không trúng tuyển	
323	Ninh Thuận	Huyện Ninh Hải	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Quảng Đại Khánh Kỳ	2/3/1981	DTK0811	95.5	5	100.5	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
324	Bình Thuận	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Trần Thị Thu	10/12/1990	DTK0813	61	5	66	Trúng tuyển	
325	Bình Thuận	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Trần Ngọc Phương Thanh	2/1/1990	DTK0814	87		87	Trúng tuyển	
326	Bình Thuận	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Ngô Thị Thảo	10/1/1991	DTK0816	85		85	Trúng tuyển	
327	Bình Thuận	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Nguyễn Châu Hoàng Anh	4/12/1987	DKT0817	76.25		76.25	Trúng tuyển	
328	Bình Thuận	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Trương Thị Minh Trọng	23/11/1988	DCN0820	73		73	Trúng tuyển	
329	Bình Thuận	TP Phan Thiết	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thanh Sơn	17/6/1985	DTK0821	81		81	Trúng tuyển	
330	Bình Thuận	TP Phan Thiết	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Minh Thư	28/5/1988	DTK0822	73.5		73.5	Trúng tuyển	
331	Bình Thuận	Huyện Tuy Phong	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Cao Hoài Đức	15/11/1992	DTK0824	67.5		67.5	Trúng tuyển	
332	Bình Thuận	Huyện Bắc Bình	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Minh Cường	24/2/1989	DTK0827	84		84	Trúng tuyển	
333	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Thùy Trang	15/10/1993	DTK0829	84		84	Trúng tuyển	
334	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Bắc	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Ngọc Sơn	15/10/1988	DTK0828	73.5		73.5	Không trúng tuyển	
335	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Mai Thương	28/6/1993	DTK0832	63.75		63.75	Trúng tuyển	
336	Bình Thuận	Huyện Hàm Thuận Nam	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Văn Khuyến	13/6/1991	DTK0830	57.5		57.5	Trúng tuyển	
337	Bình Thuận	Huyện Đức Linh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Thị Thanh Nguyên	30/11/1990	DTK0835	70.5		70.5	Trúng tuyển	
338	Kon Tum	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	An Thị Thảo Vi	20/10/1994	DTK0838	69.75		69.75	Trúng tuyển	
339	Kon Tum	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Đoàn Huy Hoàng	14/10/1982	DTK0836	62.5	5	67.5	Không trúng tuyển	
340	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Phạm Ngọc Hoài	15/3/1990	DTK0840	87.25		87.25	Trúng tuyển	
341	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Lâm Thị Ái Liên	10/9/1989	DTK0841	84.5		84.5	Không trúng tuyển	
342	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Hà Vi	28/12/1992	DTK0842	81.5		81.5	Không trúng tuyển	
343	Kon Tum	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Đỗ Thị Ngọc Diễm	14/4/1994	DTK0839	69.5		69.5	Không trúng tuyển	
344	Kon Tum	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Nguyễn Lý Minh Tuyết	3/6/1995	DTK0847	98		98	Trúng tuyển	
345	Kon Tum	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Giao Thị Hồng Hiệp	9/9/1993	DTK0843	93		93	Không trúng tuyển	
346	Kon Tum	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Cẩm Ly	16/11/1988	DTK0844	83		83	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
347	Kon Tum	Phòng Tổ Chức - Hành Chính	Kế toán	ĐH	1	Phan Kim Hưng	18/7/1995	DKT0848	70.75		70.75	Trúng tuyển	
348	Kon Tum	Phòng Tổ Chức - Hành Chính	Văn thư	ĐH	1	Huỳnh Thu Hoài Nga	14/1/1989	DVT0849	65.5		65.5	Trúng tuyển	
349	Gia Lai	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	1	Vũ Bá Phương	26/11/1989	DTK0857	94	5	99	Trúng tuyển	
350	Gia Lai	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Lê Thị Linh	3/3/1983	DTK0855	65.5		65.5	Không trúng tuyển	
351	Gia Lai	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Võ Thị Phùng Thu	13/6/1991	DTK0865	90		90	Trúng tuyển	
352	Gia Lai	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Tô Thanh Liêm	30/11/1989	DTK0862	79.25		79.25	Không trúng tuyển	
353	Gia Lai	Thị xã An Khê	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hồ Thị Xuân Thu	8/12/1987	DTK0875	56.5		56.5	Trúng tuyển	
354	Gia Lai	Thị xã An Khê	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Lệ Thủy	20/11/1993	DTK0876	55		55	Không trúng tuyển	
355	Gia Lai	Huyện Chư Prông	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Phan Thị Thơm	15/1/1989	DTK0884	71		71	Trúng tuyển	
356	Gia Lai	Huyện Chư Prông	Thống kê kinh tế	ĐH		Bùi Thị Lan	9/3/1989	DTK0880	68		68	Trúng tuyển	
357	Gia Lai	Huyện Chư Prông	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Lệ	11/12/1995	DTK0881	47		47	Không trúng tuyển	
358	Gia Lai	Huyện Đăk Pơ	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Diệu Hiền	20/8/1994	DTK0888	29		29	Không trúng tuyển	
359	Gia Lai	Huyện Phú Thiện	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Thị Ngọc Bích	1/1/1990	DTK0890	37.5		37.5	Không trúng tuyển	
360	Gia Lai	Huyện Phú Thiện	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Tú	17/1/1993	DTK0893	19		19	Không trúng tuyển	
361	Gia Lai	Huyện Ia Pa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trương Thị Thanh Liêm	24/12/1987	DTK0895	68		68	Trúng tuyển	
362	Gia Lai	Huyện Kbang	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Ngọc Giáp	2/12/1994	DTK0897	82		82	Trúng tuyển	
363	Gia Lai	Huyện Kông Chro	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Xuân Kiều	1/1/1986	DTK0898	75.25		75.25	Trúng tuyển	
364	Gia Lai	Huyện Krông Pa	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Thanh Dáng	26/2/1990	DTK0901	86		86	Trúng tuyển	
365	Gia Lai	Huyện Krông Pa	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Lý	10/10/1991	DTK0902	84		84	Trúng tuyển	
366	Gia Lai	Huyện Krông Pa	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Thị Thu Mai	2/8/1991	DTK0903	75.5		75.5	Không trúng tuyển	
367	Gia Lai	TP Pleiku	Thống kê kinh tế	CD	1	Phạm Thị Thanh Xuân	4/11/1989	CTK0906	91		91	Trúng tuyển	
368	Đăk Lăk	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Nguyễn Thị Phương Thảo	25/5/1990	DTK0913	87		87	Trúng tuyển	
369	Đăk Lăk	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Thủy Tiên	24/2/1996	DTK0914	78.5		78.5	Không trúng tuyển	
370	Đăk Lăk	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Minh Trang	1/1/1995	DTK0915	77		77	Không trúng tuyển	
371	Đăk Lăk	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Trịnh Thị Ngọc	10/5/1994	DTK0912	52.75		52.75	Không trúng tuyển	
372	Đăk Lăk	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Nguyễn Sỹ Long	19/10/1988	DCN0918	87.75		87.75	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
373	Đắk Lắk	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Đỗ Tiến Đạt	14/1/1988	DCN0917	73		73	Không trúng tuyển	
374	Đắk Lắk	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Đặng Lê Bảo Châu	28/8/1993	DCN0916	62.75		62.75	Không trúng tuyển	
375	Đắk Lắk	Huyện CưM'gar	Thống kê kinh tế	CĐ	1	Nguyễn Hoàng Minh Uyên	4/12/1996	CTK0921	82		82	Trúng tuyển	
376	Đắk Lắk	Huyện EaH'leo	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Thị Thu Hiếu	1/12/1989	DTK0923	76		76	Trúng tuyển	
377	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Thị Ngọc Lệ	26/4/1994	DTK0926	80		80	Trúng tuyển	
378	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Nhật Hạ	30/6/1996	DTK0925	75.75		75.75	Không trúng tuyển	
379	Đắk Lắk	Huyện Krông Pắc	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Oanh	1/9/1991	DTK0927	74		74	Không trúng tuyển	
380	Đắk Lắk	Huyện Krông Buk	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hồ Thị Hồng Trang	3/11/1988	DTK0929	87.25		87.25	Trúng tuyển	
381	Đắk Lắk	Huyện Krông Buk	Thống kê kinh tế	ĐH		Vũ Thị Thanh Thuý	23/5/1995	DTK0928	79		79	Không trúng tuyển	
382	Đắk Lắk	TX Buôn Hồ	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Tường Vy	2/8/1994	DTK0936	78.5		78.5	Trúng tuyển	
383	Đắk Lắk	TX Buôn Hồ	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Linh	5/10/1987	DTK0930	71.25		71.25	Trúng tuyển	
384	Đắk Lắk	Huyện Krông Năng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Bùi Thị Thuý	23/4/1992	DTK0938	82.25	5	87.25	Trúng tuyển	
385	Đắk Lắk	Huyện Krông Năng	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Hồng Nhung	20/11/1990	DTK0937	14.5		14.5	Không trúng tuyển	
386	Đắk Lắk	Huyện Cư Kuin	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Minh Tươi	29/11/1992	DTK0941	90.75		90.75	Trúng tuyển	
387	Đắk Lắk	Huyện Cư Kuin	Thống kê kinh tế	ĐH		Lê Thị Ngọc Dung	19/4/1991	DTK0939	72		72	Không trúng tuyển	
388	Đắk Lắk	Huyện Krông Bông	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Văn Thông	16/8/1993	DTK0943	92.75		92.75	Trúng tuyển	
389	Đắk Lắk	Huyện Krông Bông	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Yến	2/5/1992	DTK0944	40		40	Không trúng tuyển	
390	Đắk Nông	TX Gia Nghĩa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Thái Tú Uyên	16/12/1995	DTK0945	76		76	Trúng tuyển	
391	Đắk Nông	Huyện Đắk Song	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Thị Thu Huệ	22/5/1995	DTK0946	83		83	Trúng tuyển	
392	Đắk Nông	Huyện Tuy Đức	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Minh Mỹ	3/10/1990	DTK0950	92		92	Trúng tuyển	
393	Đắk Nông	Huyện Tuy Đức	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Quốc Dũng	9/1/1993	DTK0948	90.5		90.5	Không trúng tuyển	
394	Đắk Nông	Huyện Tuy Đức	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Đoàn Ngọc Trâm	26/3/1996	DTK0951	50		50	Không trúng tuyển	
395	Đắk Nông	Huyện Đắk R' Lấp	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đỗ Thị Hồng	3/3/1989	DTK0952	89.5		89.5	Trúng tuyển	
396	Đắk Nông	Huyện Đắk G'Long	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Thanh Tâm	17/9/1991	DTK0955	93		93	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
397	Lâm Đồng	PTK Nông Nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Bạch Văn Tường	11/1/1992	DTK0958	86.5		86.5	Trúng tuyển	
398	Lâm Đồng	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Phương Dung	22/1/1990	DTK0956	62.5		62.5	Không trúng tuyển	
399	Lâm Đồng	Huyện Đơn Dương	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lương Thị Kiều Diễm	1/3/1993	DTK0959	89		89	Trúng tuyển	
400	Lâm Đồng	Huyện Đức Trọng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hoàng Thị Mộng Hương	13/3/1988	DTK0960	51	5	56	Trúng tuyển	
401	Lâm Đồng	Huyện Bảo Lâm	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Vũ Thị Hằng	10/12/1987	DTK0961	78.5		78.5	Trúng tuyển	
402	Lâm Đồng	Huyện Đa Huoai	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đàm Thị Hiệp	18/7/1992	DTK0963	61.5	5	66.5	Trúng tuyển	
403	Lâm Đồng	Huyện Đa Huoai	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hằng	15/6/1990	DTK0962	61.25		61.25	Không trúng tuyển	
404	Bình Phước	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	1	Trịnh Việt Phương	12/7/1983	DTK0965	58		58	Trúng tuyển	
405	Bình Phước	PTK Dân số - Văn Xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	2	Võ Hà Phương	22/9/1993	DTK0970	85		85	Trúng tuyển	
406	Bình Phước	PTK Dân số - Văn Xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Lê Thị Diễm Trang	26/1/1994	DTK0971	42		42	Không trúng tuyển	
407	Bình Phước	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Lương Thị Thúy	30/4/1993	DTK0979	69.5		69.5	Trúng tuyển	
408	Bình Phước	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Diễm Hương	21/2/1993	DTK0974	60		60	Trúng tuyển	
409	Bình Phước	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Vũ Văn Hiệp	6/9/1979	DTK0973	22		22	Không trúng tuyển	
410	Bình Phước	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Hoàng Minh Thư	19/3/1993	DTK0978	15.25		15.25	Không trúng tuyển	
411	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Hoàng Thị Như Quỳnh	6/1/1990	DKT0984	72		72	Trúng tuyển	
412	Bình Phước	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	ĐH	1	Đàm Thị Trang	21/12/1995	DVT0986	56	5	61	Trúng tuyển	
413	Bình Phước	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Đinh Văn Thương	10/4/1985	DCN0989	78.25		78.25	Trúng tuyển	
414	Bình Phước	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Trần Đình Bảo	10/7/1987	DCN0987	71		71	Không trúng tuyển	
415	Bình Phước	TX Phước Long	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hà Thị Phi Yến	1/11/1992	DTK0992	58.5		58.5	Trúng tuyển	
416	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Hoàng Anh	19/8/1992	DTK0993	59		59	Trúng tuyển	
417	Bình Phước	Huyện Bù Đăng	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thùy	20/6/1988	DTK0996	56.25		56.25	Không trúng tuyển	
418	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Bùi Thị Ngân	1/12/1993	DTK0998	81.75	5	86.75	Trúng tuyển	
419	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	Thống kê kinh tế	ĐH		Thái Anh Tùng	12/6/1981	DTK0999	67.5		67.5	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
420	Bình Phước	Huyện Bù Gia Mập	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Xuân Lộc	29/12/1992	DTK0997	30.75		30.75	Không trúng tuyển	
421	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Văn Hiếu	4/10/1987	DTK1004	66.5		66.5	Trúng tuyển	
422	Bình Phước	Huyện Hớn Quản	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Văn Hiếu	6/5/1993	DTK1003	43		43	Không trúng tuyển	
423	Bình Phước	Huyện Phú Riềng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Lan Hương	10/6/1990	DTK1006	88		88	Trúng tuyển	
424	Bình Phước	Huyện Phú Riềng	Thống kê kinh tế	ĐH		Phùng Ngọc Ánh	25/8/1996	DTK1005	63.75		63.75	Không trúng tuyển	
425	Tây Ninh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Trần Văn Anh	22/11/1988	DTK1007	74		74	Trúng tuyển	
426	Tây Ninh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Phan Bửu Ngọc	10/6/1992	DTK1009	67.5		67.5	Trúng tuyển	
427	Tây Ninh	PTK Công - Thương	Thống kê thương mại	ĐH	3	Nguyễn Nhật Anh	6/12/1993	DTK1010	93		93	Trúng tuyển	
428	Tây Ninh	PTK Công - Thương	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Tiền	7/9/1987	DTK1013	63.25		63.25	Trúng tuyển	
429	Tây Ninh	PTK Công - Thương	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Văn Bé Quý	17/3/1979	DTK1012	32		32	Không trúng tuyển	
430	Tây Ninh	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Nguyễn Đình Huy	27/2/1991	DCN1015	63		63	Trúng tuyển	
431	Tây Ninh	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Hà Thanh Tuấn	19/2/1977	DCN1016	54.5		54.5	Không trúng tuyển	
432	Tây Ninh	TP Tây Ninh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Mai Hoàng Phương	15/12/1988	DTK1018	64.5		64.5	Trúng tuyển	
433	Tây Ninh	Huyện Dương Minh Châu	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Ngô Minh Tuấn	18/5/1987	DTK1020	75.5		75.5	Trúng tuyển	
434	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Lê Hồng Hải	15/5/1991	DTK1021	82.5		82.5	Trúng tuyển	
435	Tây Ninh	Huyện Hòa Thành	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thu Thảo	8/11/1991	DTK1024	77.25		77.25	Trúng tuyển	
436	Tây Ninh	Huyện Gò Dầu	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trần Minh Tiền	3/9/1978	DTK1026	75.75		75.75	Trúng tuyển	
437	Tây Ninh	Huyện Trảng Bàng	Thống kê kinh tế	ĐH	3	Tô Trần Duy Phúc	18/6/1990	DTK1028	83.25		83.25	Trúng tuyển	
438	Bình Dương	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Nguyễn Quốc Nam	2/5/1985	DTK1030	70.75		70.75	Trúng tuyển	
439	Bình Dương	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH	1	Phạm Thị Cẩm Vân	20/11/1989	DTK1034	74		74	Trúng tuyển	
440	Bình Dương	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Luân Thị Ánh Lan	21/10/1978	DTK1033	72		72	Không trúng tuyển	
441	Bình Dương	TX Tân Uyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Ngô Phương Tiến	24/9/1990	DTK1038	94.25		94.25	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
442	Bình Dương	TX Tân Uyên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Thị Hạnh	8/10/1992	DTK1036	74.75		74.75	Không trúng tuyển	
443	Bình Dương	TX Tân Uyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Minh Hiếu	//1992	DTK1037	69		69	Không trúng tuyển	
444	Bình Dương	Huyện Bắc Tân Uyên	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Hồng An	11/2/1990	DTK1040	97.5		97.5	Trúng tuyển	
445	Bình Dương	Huyện Bắc Tân Uyên	Thống kê kinh tế	ĐH		Bồ Kim Tuyền	6/4/1992	DTK1041	79		79	Trúng tuyển	
446	Đồng Nai	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Kế toán	ĐH	1	Cù Thùy Linh	27/8/1989	DKT1046	74.75		74.75	Trúng tuyển	
447	Đồng Nai	Phòng Tổ chức - Hành Chính	Văn thư	CĐ	1	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/6/1990	CVT1045	51		51	Trúng tuyển	
448	Đồng Nai	TP Biên Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Bùi Thị Kim Ngân	6/9/1991	DTK1051	90.5		90.5	Trúng tuyển	
449	Đồng Nai	TP Biên Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Phan Huy Hoàng	25/9/1989	DTK1049	83		83	Không trúng tuyển	
450	Đồng Nai	TP Biên Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Huyền	12/9/1990	DTK1050	67.75		67.75	Không trúng tuyển	
451	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Văn Kiên	17/9/1991	DTK1056	75.5		75.5	Trúng tuyển	
452	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Tá Phong	2/9/1987	DTK1057	71		71	Trúng tuyển	
453	Đồng Nai	Huyện Trảng Bom	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Văn Bình	8/9/1975	DTK1054	50		50	Không trúng tuyển	
454	Đồng Nai	Huyện Cẩm Mỹ	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Phạm Vũ Cường	24/6/1990	DTK1059	78.75		78.75	Trúng tuyển	
455	Đồng Nai	Huyện Xuân Lộc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Thị Thanh	25/3/1988	DTK1060	67		67	Trúng tuyển	
456	Bà Rịa-Vũng Tàu	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Trần Thị Oanh	21/6/1995	DTK1062	75.75		75.75	Trúng tuyển	
457	Bà Rịa-Vũng Tàu	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CĐ	1	Võ Thị Thanh Đa	15/5/1975	CVT1064	35		35	Không trúng tuyển	
458	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Châu Đức	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Thanh Nhân	15/7/1992	DTK1065	73		73	Trúng tuyển	
459	Bà Rịa-Vũng Tàu	Huyện Xuyên Mộc	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Bùi Thị Thu Trang	9/10/1991	DTK1068	61.5		61.5	Trúng tuyển	
460	TP Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Lều Phương Nam	6/9/1991	DTK1073	91.5		91.5	Trúng tuyển	
461	TP Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Vũ Hải Hoàng	11/12/1986	DTK1071	90		90	Trúng tuyển	
462	TP Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thế Kỳ	10/12/1994	DTK1072	86.75		86.75	Không trúng tuyển	
463	TP Hồ Chí Minh	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Trịnh Thị Vân Hà	26/3/1991	DTK1070	81		81	Không trúng tuyển	
464	TP Hồ Chí Minh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Lý Thị Bích Huyền	25/8/1990	DTK1075	71.5		71.5	Trúng tuyển	
465	TP Hồ Chí Minh	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Trương Thị Bích Lệ	13/5/1978	DTK1076	65.75		65.75	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
466	TP Hồ Chí Minh	Quận 2	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Hương	12/4/1994	DTK1078	68.25		68.25	Trúng tuyển	
467	TP Hồ Chí Minh	Quận 5	Thống kê kinh tế	ĐH	3	Nguyễn Thị Ngọc Hương	28/1/1987	DTK1082	90.75		90.75	Trúng tuyển	
468	TP Hồ Chí Minh	Quận 5	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Đức Văn Trường	27/5/1996	DTK1086	66		66	Trúng tuyển	
469	TP Hồ Chí Minh	Quận 6	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Chí Cường	20/8/1982	DTK1087	67		67	Trúng tuyển	
470	TP Hồ Chí Minh	Quận 6	Thống kê kinh tế	ĐH		Tổng Thanh Tùng	20/12/1990	DTK1088	66		66	Không trúng tuyển	
471	TP Hồ Chí Minh	Quận 10	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Đoàn Trường An	20/4/1990	DTK1089	93.75		93.75	Trúng tuyển	
472	TP Hồ Chí Minh	Quận 11	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Huỳnh Thị Thanh Trang	19/2/1980	DTK1091	82.25		82.25	Trúng tuyển	
473	TP Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Phạm Văn Công	28/2/1993	DTK1093	92		92	Trúng tuyển	
474	TP Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Hoàng Thanh Sơn	12/4/1989	DTK1095	80.5		80.5	Trúng tuyển	
475	TP Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Vũ Tiến Đạt	22/9/1991	DTK1094	63		63	Không trúng tuyển	
476	TP Hồ Chí Minh	Quận Bình Thạnh	Thống kê kinh tế	ĐH		Phùng Thị Minh Anh	15/10/1996	DTK1092	53		53	Không trúng tuyển	
477	TP Hồ Chí Minh	Quận Thủ Đức	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Mai Thị Quỳnh Hương	11/11/1994	DTK1096	66.5		66.5	Trúng tuyển	
478	TP Hồ Chí Minh	Quận Phú Nhuận	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Tất Khải Minh	6/9/1983	DTK1099	77.5	5	82.5	Trúng tuyển	
479	TP Hồ Chí Minh	Quận Tân Phú	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Vương Châu	2/2/1977	DTK1100	73.5		73.5	Trúng tuyển	
480	TP Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Cẩm Vi	10/12/1990	DTK1105	89.5		89.5	Trúng tuyển	
481	TP Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Kim Thoa	7/9/1989	DTK1104	78	5	83	Trúng tuyển	
482	TP Hồ Chí Minh	Quận Gò Vấp	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Thị Thanh Thảo	10/3/1985	DTK1103	54.25		54.25	Không trúng tuyển	
483	TP Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	Thống kê kinh tế	ĐH	3	Phan Thị Cẩm Dung	20/1/1982	DTK1106	79		79	Trúng tuyển	
484	TP Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Thị Hoàng Oanh	4/12/1987	DTK1109	69.75		69.75	Trúng tuyển	
485	TP Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hoa	3/2/1987	DTK1107	54.5		54.5	Trúng tuyển	
486	TP Hồ Chí Minh	Huyện Củ Chi	Thống kê kinh tế	ĐH		Từ Nguyễn Thành Nhân	12/3/1991	DTK1108	51		51	Không trúng tuyển	
487	TP Hồ Chí Minh	Huyện Hóc Môn	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lưu Thị Minh Trí	2/3/1984	DTK1110	64		64	Trúng tuyển	
488	TP Hồ Chí Minh	Huyện Bình Chánh	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Thị Lanh	23/6/1989	DTK1112	99	5	104	Trúng tuyển	
489	TP Hồ Chí Minh	Huyện Nhà Bè	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trần Thanh Tùng	3/3/1987	DTK1116	75.5		75.5	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
490	TP Hồ Chí Minh	Huyện Cần Giờ	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Đậu Việt Dũng	28/12/1987	DTK1117	50		50	Trúng tuyển	
491	Long An	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Lê Bá Hộ	15/2/1990	DTK1119	94		94	Trúng tuyển	
492	Long An	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	2	Trịnh Nguyễn Diễm Hương	3/11/1992	DTK1121	98		98	Trúng tuyển	
493	Long An	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Hồ Đỗ My	17/9/1989	DTK1122	90.5		90.5	Trúng tuyển	
494	Long An	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Trần Minh Cường	20/11/1988	DTK1120	89.75		89.75	Không trúng tuyển	
495	Long An	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Nguyễn Thị Xuân Tự	21/4/1989	DTK1123	96		96	Trúng tuyển	
496	Long An	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Lê Thị Thanh Trúc	1/7/1988	DTK1127	93.25		93.25	Trúng tuyển	
497	Long An	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Nguyễn Thị Hồng Lam	9/10/1987	DCN1128	66		66	Trúng tuyển	
498	Long An	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Lưu Thị Ngọc Lua	18/7/1987	DCN1129	64.75		64.75	Không trúng tuyển	
499	Long An	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Võ Tấn Tài	23/12/1992	DCN1130	57		57	Không trúng tuyển	
500	Long An	TP Tân An	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Điền Thị Tuyết Mai	15/11/1988	DTK1131	82.75		82.75	Trúng tuyển	
501	Long An	TP Tân An	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hà Phương	1/2/1991	DTK1132	79		79	Trúng tuyển	
502	Long An	TX Kiến Tường	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thanh Thảo	2/12/1990	DTK1133	69.5		69.5	Trúng tuyển	
503	Long An	Huyện Vĩnh Hưng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Võ Anh Tài	29/4/1993	DTK1134	72		72	Trúng tuyển	
504	Long An	Huyện Mộc Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Đỗ Thị Điều Thuyền	6/8/1992	DTK1136	85	5	90	Trúng tuyển	
505	Long An	Huyện Thạnh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Võ Thị Mỹ Hậu	1/3/1993	DTK1139	83		83	Trúng tuyển	
506	Long An	Huyện Thạnh Hóa	Thống kê kinh tế	ĐH		Trương Thụy Diễm Trinh	2/1/1989	DTK1140	82		82	Trúng tuyển	
507	Long An	Huyện Đức Huệ	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Dương Thị Kim Quy	9/6/1985	DTK1142	79.75		79.75	Trúng tuyển	
508	Long An	Huyện Đức Hòa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Cẩm	2/1/1985	DTK1143	69		69	Trúng tuyển	
509	Long An	Huyện Bến Lức	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Phạm Văn Quốc	12/4/1990	DTK1144	89		89	Trúng tuyển	
510	Long An	Huyện Bến Lức	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Thúy	14/10/1986	DTK1145	82		82	Trúng tuyển	
511	Long An	Huyện Thủ Thừa	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Minh Hoàng	27/5/1990	DTK1146	77.25	2.5	79.75	Trúng tuyển	
512	Long An	Huyện Tân Trụ	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Bảo Trung	8/5/1993	DTK1148	82.5		82.5	Trúng tuyển	
513	Long An	Huyện Cần Đước	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Nguyễn Minh Tuyến	7/11/1989	DTK1149	85		85	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
514	Long An	Huyện Châu Thành	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Trần Trung	14/9/1989	DTK1151	88.5		88.5	Trúng tuyển	
515	Tiền Giang	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Nguyễn Thị Hồng Huệ	14/2/1988	DTK1152	65.75		65.75	Trúng tuyển	
516	Tiền Giang	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH	1	Lê Thị Trúc Linh	20/7/1990	DTK1156	88.5		88.5	Trúng tuyển	
517	Tiền Giang	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		Nguyễn Thị Kim Hương	28/2/1989	DTK1155	75.25		75.25	Không trúng tuyển	
518	Tiền Giang	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	1	Nguyễn Tiến Thịnh	5/1/1995	DTK1161	98		98	Trúng tuyển	
519	Tiền Giang	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Nhật Minh	10/12/1991	DTK1159	58.5		58.5	Không trúng tuyển	
520	Tiền Giang	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Huỳnh Thanh Phong	6/12/1982	DTK1160	50.5		50.5	Không trúng tuyển	
521	Tiền Giang	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Nguyễn Xuân Trường	4/11/1991	DCN1162	69.5		69.5	Trúng tuyển	
522	Tiền Giang	TX Gò Công	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Huỳnh Minh Quân	7/11/1990	DTK1163	82.5		82.5	Trúng tuyển	
523	Tiền Giang	Huyện Tân Phước	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phạm Văn Quốc	5/6/1985	DTK1164	53	5	58	Trúng tuyển	
524	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Lê Thị Cẩm Vân	14/10/1980	DTK1166	76.5		76.5	Trúng tuyển	
525	Tiền Giang	Huyện Cái Bè	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Bảo Chiêu	28/10/1994	DTK1165	54		54	Trúng tuyển	
526	Tiền Giang	Huyện Chợ Gạo	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Hồng Khanh	8/12/1983	DTK1167	77		77	Trúng tuyển	
527	Bến Tre	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Phạm Thị Ngọc Huyền	28/2/1990	DKT1168	70.5		70.5	Trúng tuyển	
528	Bến Tre	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Lê Vũ Phương	22/1/1991	DCN1170	81.75		81.75	Trúng tuyển	
529	Bến Tre	TP Bến Tre	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Lê Thị Minh Phương	15/9/1990	DTK1176	74		74	Trúng tuyển	
530	Bến Tre	TP Bến Tre	Thống kê kinh tế	ĐH		Khẩu Thị Trúc Duyên	19/11/1993	DTK1172	53		53	Trúng tuyển	
531	Bến Tre	TP Bến Tre	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Dương Phương Thanh	27/8/1984	DTK1177	44		44	Không trúng tuyển	
532	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thanh Phương	15/10/1979	DTK1181	74.5	5	79.5	Trúng tuyển	
533	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Nam	Thống kê kinh tế	ĐH		Huỳnh Văn Nhân	22/6/1988	DTK1180	31.75		31.75	Không trúng tuyển	
534	Bến Tre	Huyện Mỏ Cày Bắc	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Kim Soán	2/10/1989	DTK1183	77		77	Trúng tuyển	
535	Bến Tre	Huyện Giồng Trôm	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Võ Thị Hồng Cúc	18/4/1990	DTK1184	80		80	Trúng tuyển	
536	Bến Tre	Huyện Bình Đại	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Ngô Thị Ngọc Liễu	20/5/1992	DTK1186	84.25		84.25	Trúng tuyển	
537	Bến Tre	Huyện Bình Đại	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Hoàng Huệ	15/10/1987	DTK1185	56.5		56.5	Không trúng tuyển	
538	Bến Tre	Huyện Thạnh Phú	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Hồ Thị Thiêm	7/3/1989	DTK1188	93.75		93.75	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
539	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Trần Thị Cẩm Tú	29/9/1985	DKT1195	69		69	Trúng tuyển	
540	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH		Nguyễn Thị Anh Nga	6/8/1994	DKT1191	62.5		62.5	Không trúng tuyển	
541	Trà Vinh	Phòng Tổ chức - Hành chính	Văn thư	CD	1	Lâm Thị Tú Huyền	6/6/1996	CVT1190	40.25		40.25	Không trúng tuyển	
542	Trà Vinh	Phòng Thanh Tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Đặng Thị Ánh Hồng	2/6/1985	DCN1197	62.75		62.75	Trúng tuyển	
543	Trà Vinh	TP Trà Vinh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Huỳnh Như	28/8/1993	DTK1201	94		94	Trúng tuyển	
544	Trà Vinh	Huyện Cầu Kè	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trương Văn Bé Sáu	20/6/1986	DTK1207	46	5	51	Không trúng tuyển	
545	Trà Vinh	Huyện Cầu Ngang	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Trần Thị Diễm My	17/2/1991	DTK1210	74.5		74.5	Trúng tuyển	
546	Trà Vinh	Huyện Trà Cú	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Kim Thành Luân	20/12/1987	DTK1214	86.5	5	91.5	Trúng tuyển	
547	Trà Vinh	Huyện Trà Cú	Thống kê kinh tế	ĐH		Phan Thị Chinh	24/6/1992	DTK1213	79		79	Trúng tuyển	
548	Trà Vinh	Huyện Trà Cú	Thống kê kinh tế	ĐH		Trần Quyền	18/6/1987	DTK1215	62.5	5	67.5	Không trúng tuyển	
549	Trà Vinh	Huyện Duyên Hải	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Huỳnh Trọng Nghĩa	19/5/1995	DTK1216	61.75		61.75	Trúng tuyển	
550	Trà Vinh	TX Duyên Hải	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Ngô Thanh Tuyền	22/5/1988	DTK1218	75.5	5	80.5	Trúng tuyển	
551	Vĩnh Long	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	2	Trần Hoài Bảo	10/11/1982	DTK1219	35		35	Không trúng tuyển	
552	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH	2	Nguyễn Hòa Minh	2/1/1992	DTK1223	76		76	Trúng tuyển	
553	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		Nguyễn Huỳnh Thảo Nguyên	19/1/1995	DTK1225	64		64	Trúng tuyển	
554	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		Lê Thanh Mộng	3/10/1981	DTK1224	57	5	62	Không trúng tuyển	
555	Vĩnh Long	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH		Trương Võ Kim Trân	20/12/1981	DTK1226	55		55	Không trúng tuyển	
556	Vĩnh Long	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH	2	Võ Quốc Anh	1/1/1989	DTK1228	80.5		80.5	Trúng tuyển	
557	Vĩnh Long	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Phùng Thị Diễm Kiều	1/11/1988	DTK1230	68.5		68.5	Trúng tuyển	
558	Vĩnh Long	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Lê Hữu Nhân	8/12/1984	DTK1231	67		67	Không trúng tuyển	
559	Vĩnh Long	PTK Thương mại	Thống kê giá, dịch vụ, vận tải, xuất nhập khẩu	ĐH		Nghiêm Bá Đồng	10/10/1980	DTK1229	28.5		28.5	Không trúng tuyển	
560	Vĩnh Long	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số,	ĐH		Nguyễn Thị Mộng Tuyền	20/8/1988	DTK1234	82.5		82.5	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
561	Vĩnh Long	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Nguyễn Kim Diệu	12/12/1988	DTK1233	44		44	Không trúng tuyển	
562	Đồng Tháp	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Trần Thị Cẩm Giang	25/11/1990	DTK1236	88.25		88.25	Trúng tuyển	
563	Đồng Tháp	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Ngô Ngọc Thùy	31/10/1989	DTK1239	88		88	Trúng tuyển	
564	Đồng Tháp	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	2	Nguyễn Kim Sương	1/1/1989	DTK1241	91.5		91.5	Trúng tuyển	
565	Đồng Tháp	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Nguyễn Quốc Thái	15/4/1994	DTK1242	52.5		52.5	Trúng tuyển	
566	Đồng Tháp	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	2	Trần Hải Quỳnh	28/11/1991	DTK1243	91		91	Trúng tuyển	
567	Đồng Tháp	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Lý Thị Thanh Thúy	31/1/1991	DTK1244	85.5		85.5	Trúng tuyển	
568	Đồng Tháp	Phòng Tổ chức - Hành chính	Kế toán	ĐH	1	Lê Thị Minh Diễm	17/8/1993	DKT1245	57		57	Trúng tuyển	
569	Đồng Tháp	TX Hồng Ngự	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Nhật Linh	15/2/1985	DTK1248	80.5		80.5	Trúng tuyển	
570	Đồng Tháp	Huyện Cao Lãnh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Trung Mỹ	6/10/1991	DTK1252	72.75		72.75	Trúng tuyển	
571	Đồng Tháp	Huyện Lai Vung	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Huỳnh Tấn Kiệt	20/5/1990	DTK1254	86.75		86.75	Trúng tuyển	
572	An Giang	TP Long Xuyên	Thống kê Kinh tế	ĐH	1	Lê Duy Linh	7/3/1989	DTK1256	75.75		75.75	Trúng tuyển	
573	An Giang	TP Long Xuyên	Thống kê Kinh tế	ĐH		Quách Mỹ Thanh	14/11/1990	DTK1260	61.5		61.5	Không trúng tuyển	
574	An Giang	TP Long Xuyên	Thống kê Kinh tế	ĐH		Lê Thị Diệu Hiền	19/8/1984	DTK1255	46.75		46.75	Không trúng tuyển	
575	An Giang	TP Long Xuyên	Thống kê Kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Thanh Trúc	11/4/1982	DTK1262	46.5		46.5	Không trúng tuyển	
576	An Giang	TP Long Xuyên	Thống kê Kinh tế	ĐH		Phạm Minh Phương	3/2/1996	DTK1259	29		29	Không trúng tuyển	
577	An Giang	TP Châu Đốc	Thống kê Kinh tế	ĐH	1	Lê Thị Tố Trinh	19/3/1995	DTK1265	54		54	Trúng tuyển	
578	An Giang	TX Tân Châu	Thống kê Kinh tế	ĐH	2	Trương Phúc Hậu	26/2/1990	DTK1267	57		57	Trúng tuyển	
579	An Giang	TX Tân Châu	Thống kê Kinh tế	ĐH		Phan Thị Kim Như	24/4/1991	DTK1269	41.25		41.25	Không trúng tuyển	
580	An Giang	TX Tân Châu	Thống kê Kinh tế	ĐH		Trịnh Thị Ngọc	19/9/1987	DTK1268	13.25		13.25	Không trúng tuyển	
581	An Giang	Huyện Tịnh Biên	Thống kê Kinh tế	ĐH	1	Đỗ Thị Thích	//1983	DTK1271	59.5		59.5	Trúng tuyển	
582	An Giang	Huyện Tịnh Biên	Thống kê Kinh tế	ĐH		Huỳnh Thị Thu Ba	/0/1986	DTK1270	35.25		35.25	Không trúng tuyển	
583	An Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê Kinh tế	ĐH		Chế Thị Diễm My	12/7/1992	DTK1275	61		61	Trúng tuyển	
584	An Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê Kinh tế	ĐH		Trần Ngọc Bảo Trân	27/7/1990	DTK1277	43.25		43.25	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
585	An Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê Kinh tế	ĐH	2	Hồ Quốc An	19/9/1989	DTK1272	42		42	Không trúng tuyển	
586	An Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê Kinh tế	ĐH		Trương Hồng Loan	3/1/1990	DTK1274	35.25		35.25	Không trúng tuyển	
587	An Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê Kinh tế	ĐH		Lê Nguyễn Phương Lam	27/2/1996	DTK1273	30		30	Không trúng tuyển	
588	Kiên Giang	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Trần Ngọc Hạnh	9/2/1984	DTK1280	69.5		69.5	Trúng tuyển	
589	Kiên Giang	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Trần Kim Nguyên	12/3/1989	DTK1281	66.75		66.75	Trúng tuyển	
590	Kiên Giang	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	2	Dương Thị Tú Trâm	8/11/1990	DTK1286	81.5		81.5	Trúng tuyển	
591	Kiên Giang	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Huỳnh Thị Chúc Hà	23/6/1996	DTK1283	6		6	Không trúng tuyển	
592	Kiên Giang	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê xây dựng, vốn đầu tư	ĐH	1	Lê Thị Hồng Ân	20/9/1993	DTK1287	68.5		68.5	Trúng tuyển	
593	Kiên Giang	TP Hà Tiên	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thanh Bình	2/11/1993	DTK1289	53.5		53.5	Trúng tuyển	
594	Kiên Giang	Huyện Kiên Lương	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trịnh Thị Thúy Lại	15/10/1990	DTK1291	75		75	Trúng tuyển	
595	Kiên Giang	Huyện Châu Thành	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Kim Hồng	5/10/1981	DTK1293	80		80	Trúng tuyển	
596	Kiên Giang	Huyện Giồng Riềng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Danh Hoàng Thông	6/10/1989	DTK1294	72.25	5	77.25	Trúng tuyển	
597	Kiên Giang	Huyện An Minh	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trương Thanh Ly	16/9/1991	DTK1298	79		79	Trúng tuyển	
598	Kiên Giang	Huyện U Minh Thượng	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Diễm Hương	25/12/1994	DTK1302	75.5		75.5	Trúng tuyển	
599	Cần Thơ	Huyện Phong Điền	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Phan Văn Hiền	10/3/1990	DTK1305	59.25		59.25	Trúng tuyển	
600	Cần Thơ	Huyện Phong Điền	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Trương Thùy Trang	22/4/1991	DTK1310	57		57	Không trúng tuyển	
601	Hậu Giang	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Nguyễn Thị Ngọc Xuyên	17/7/1991	DTK1315	95.25		95.25	Trúng tuyển	
602	Hậu Giang	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thị Hồng Cẩm	12/6/1993	DTK1311	85.5		85.5	Trúng tuyển	
603	Hậu Giang	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Trần Ngọc Huyền	7/1/1993	DTK1313	44		44	Không trúng tuyển	
604	Hậu Giang	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Lê Thị Thảo Nguyên	8/11/1993	DTK1314	37.5		37.5	Không trúng tuyển	
605	Hậu Giang	TP Vị Thanh	Thống kê kinh tế	ĐH	3	Ngô Thị Kiều Diễm	8/10/1993	DTK1316	95		95	Trúng tuyển	
606	Hậu Giang	TP Vị Thanh	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Kiều Trang	1/1/1991	DTK1321	95		95	Trúng tuyển	
607	Hậu Giang	TP Vị Thanh	Thống kê kinh tế	ĐH		Phạm Thanh Trúc	11/11/1985	DTK1322	42.75		42.75	Không trúng tuyển	
608	Hậu Giang	Huyện Châu Thành A	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Đỗ Văn Tọt Lên	4/10/1989	DTK1325	79		79	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
609	Hậu Giang	Huyện Phụng Hiệp	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Lê Hồng Minh	5/12/1985	DTK1328	67		67	Trúng tuyển	
610	Hậu Giang	Huyện Vị Thủy	Thống kê xã hội	ĐH	1	Đỗ Thanh Toàn	11/7/1984	DTK1330	88.5		88.5	Trúng tuyển	
611	Hậu Giang	TX Long Mỹ	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Kim Châu	27/4/1994	DTK1331	65.5		65.5	Trúng tuyển	
612	Sóc Trăng	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	1	Đặng Thị Thanh Thủy	19/10/1990	DTK1334	67.25		67.25	Trúng tuyển	
613	Sóc Trăng	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	2	Mã Ngọc Nhi	5/1/1993	DTK1338	83		83	Trúng tuyển	
614	Sóc Trăng	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Kim Lý Trường Hải	17/12/1988	DTK1336	63.5	5	68.5	Trúng tuyển	
615	Sóc Trăng	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Trần Thị Thu Phương	10/10/1989	DTK1339	56		56	Không trúng tuyển	
616	Sóc Trăng	Huyện Châu Thành	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Trần Thị Út Thi	25/11/1992	DTK1346	88		88	Trúng tuyển	
617	Sóc Trăng	Huyện Kế Sách	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Vũ Thị Loan	28/1/1991	DTK1347	69.5		69.5	Trúng tuyển	
618	Sóc Trăng	Huyện Long Phú	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Đỗ Xuân Khánh	23/9/1992	DTK1348	72.75		72.75	Trúng tuyển	
619	Sóc Trăng	Huyện Long Phú	Thống kê kinh tế	ĐH		Nguyễn Thị Ý Nguyễn	9/10/1989	DTK1349	70.5		70.5	Trúng tuyển	
620	Sóc Trăng	Huyện Long Phú	Thống kê kinh tế	ĐH		Đặng Thị Trang	20/11/1987	DTK1351	60.25		60.25	Không trúng tuyển	
621	Sóc Trăng	Huyện Trần Đề	Thống kê kinh tế	ĐH	2	Đặng Phương Thảo	20/9/1987	DTK1353	59.75		59.75	Trúng tuyển	
622	Sóc Trăng	Huyện Thanh Trị	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Thị Bích Diễm	24/11/1988	DTK1354	50		50	Trúng tuyển	
623	Bạc Liêu	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH	2	Trịnh Trường Giang	3/10/1984	DTK1358	57.25		57.25	Trúng tuyển	
624	Bạc Liêu	PTK Tổng hợp	Thống kê tổng hợp - tài khoản quốc gia	ĐH		Nguyễn Thị Lan	17/5/1979	DTK1359	51		51	Trúng tuyển	
625	Bạc Liêu	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH	1	Đàm Quang Văn	10/1/1991	DTK1367	66.5	5	71.5	Trúng tuyển	
626	Bạc Liêu	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Đoàn Thị Cúc Hương	4/5/1993	DTK1365	62.5		62.5	Không trúng tuyển	
627	Bạc Liêu	PTK Dân số - Văn xã	Thống kê dân số, văn xã	ĐH		Lê Hải Vân	1/9/1984	DTK1366	33.5		33.5	Không trúng tuyển	
628	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH	3	Trần Anh Triều	24/7/1988	DTK1377	93		93	Trúng tuyển	
629	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Lê Thị Tú Anh	1/1/1990	DTK1368	85.25		85.25	Trúng tuyển	
630	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Trịnh Quốc Huy	6/4/1994	DTK1372	53		53	Trúng tuyển	
631	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Võ Ngọc Huyền Hân	8/2/1994	DTK1371	48.25		48.25	Không trúng tuyển	
632	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Nguyễn Thành Đạt	29/3/1991	DTK1370	46.5		46.5	Không trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chi tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
633	Bạc Liêu	PTK Công - Thương	Thống kê công nghiệp	ĐH		Đỗ Như Ngọc	17/10/1996	DTK1373	33.5		33.5	Không trúng tuyển	
634	Bạc Liêu	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Dương Hón Cường	17/11/1990	DCN1379	78.75	5	83.75	Trúng tuyển	
635	Bạc Liêu	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Hoàng Trọng Khánh	13/10/1989	DCN1381	56.25		56.25	Không trúng tuyển	
636	Bạc Liêu	Huyện Phước Long	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Ngô Thị Kiểm	1/1/1989	DTK1385	84		84	Trúng tuyển	
637	Bạc Liêu	Huyện Phước Long	Thống kê kinh tế	ĐH		Phan Thị Quỳnh Giao	17/11/1992	DTK1384	73		73	Không trúng tuyển	
638	Bạc Liêu	Huyện Vĩnh Lợi	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Nguyễn Kim Phượng	30/5/1982	DTK1386	50.5		50.5	Trúng tuyển	
639	Bạc Liêu	TX Giá Rai	Thống kê kinh tế	ĐH	1	Bùi Anh Dũng	5/6/1995	DTK1388	74		74	Trúng tuyển	
640	Bạc Liêu	TX Giá Rai	Thống kê kinh tế	ĐH		Bùi Thị Hải	10/9/1988	DTK1389	67		67	Không trúng tuyển	
641	Bạc Liêu	Huyện Hòa Bình	Thống kê xã hội	CĐ	1	Lê Xuân Tùng	1/7/1996	CTK1390	77		77	Trúng tuyển	
642	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH	2	Đinh Thị Thùy Dương	17/6/1984	DTK1397	82.5	5	87.5	Trúng tuyển	
643	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Phạm Cẩm Đan	26/8/1990	DTK1394	85.75		85.75	Trúng tuyển	
644	Cà Mau	PTK Nông nghiệp	Thống kê nông nghiệp	ĐH		Trần Hoài Hân	23/10/1984	DTK1398	72.25		72.25	Không trúng tuyển	
645	Cà Mau	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH	1	Nguyễn Phà Kha	6/8/1983	DTK1403	72.5		72.5	Trúng tuyển	
646	Cà Mau	PTK Công nghiệp - Xây dựng	Thống kê công nghiệp	ĐH		Hồ Thị Cẩm Nhung	16/1/1989	DTK1404	59.5		59.5	Không trúng tuyển	
647	Cà Mau	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH	1	Nguyễn Thúy Huỳnh	16/10/1988	DTK1409	75.5		75.5	Trúng tuyển	
648	Cà Mau	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Kiều Cẩm Vân	1/1/1994	DTK1412	50.25		50.25	Không trúng tuyển	
649	Cà Mau	PTK Thương mại	Thống kê thương mại	ĐH		Đinh Hồng Anh	27/12/1992	DTK1407	30		30	Không trúng tuyển	
650	Cà Mau	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH	1	Trương Văn Thới	1/1/1987	DCN1416	87.5		87.5	Trúng tuyển	
651	Cà Mau	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Giã Thanh Nhã	8/2/1990	DCN1415	81.5		81.5	Không trúng tuyển	
652	Cà Mau	Phòng Thanh tra Thống kê	Công nghệ thông tin thống kê	ĐH		Quách Hữu Dụng	16/11/1988	DCN1413	62.5		62.5	Không trúng tuyển	
653	Cà Mau	Huyện Cái Nước	Thống kê xã hội	ĐH	1	Hồ Tuấn Anh	4/4/1988	DTK1419	59.5	2.5	62	Trúng tuyển	
654	Cà Mau	Huyện Phú Tân	Thống kê xã hội	ĐH	1	Trần Thị Nhung	16/8/1987	DTK1421	72.5		72.5	Trúng tuyển	
655	Cà Mau	Huyện Phú Tân	Thống kê xã hội	ĐH		Trần Minh Hoàng	2/8/1992	DTK1420	69.25		69.25	Không trúng tuyển	
656	Cà Mau	Huyện Năm Căn	Thống kê xã hội	ĐH	1	Trần Minh Hiếu	25/1/1987	DTK1422	62	2.5	64.5	Trúng tuyển	

STT	Cục Thống kê tỉnh/thành phố	Phòng/Chi cục Thống kê	Vị trí tuyển dụng	Trình độ đăng ký	Chỉ tiêu tuyển dụng	Họ và Tên	Ngày sinh	Số báo danh	Điểm thi Vòng 2	Điểm ưu tiên (nếu có)	Điểm tổng (điểm thi Vòng 2 + điểm ưu tiên)	Kết quả dự kiến	Ghi chú
-----	--------------------------------	---------------------------	-------------------	---------------------	---------------------------	-----------	-----------	-------------	--------------------	-----------------------------	--	-----------------	---------

Viết tắt trong biểu: PTK: Phòng Thống kê; DH: Đại học; CĐ: Cao đẳng